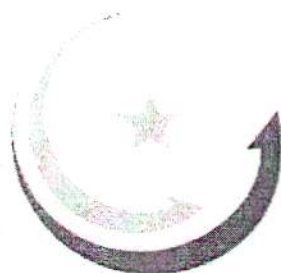


**BỘ TƯ LỆNH BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG THÀNH**



TRUONGTHANH

Đồng hành cùng chất lượng

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
TRƯỜNG THÀNH**

Hà Nội, tháng 04 năm 2017

MỤC LỤC

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA.....	4
I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP	4
1. Giới thiệu chung về Công ty TNHH một thành viên Trường Thành	4
2. Ngành nghề kinh doanh.....	4
3. Quá trình hình thành và phát triển.....	5
4. Mô hình tổ chức hoạt động.....	6
5. Tổ chức Đảng, đoàn thể.....	14
6. Các công ty con, công ty liên kết, đơn vị phụ thuộc	14
7. Tình hình sử dụng lao động.....	14
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	15
1. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hóa	15
2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp trước cổ phần hóa	21
3. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	24
III. THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG THÀNH TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP	26
1. Tài sản cố định của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015.....	26
2. Tình hình về đất đai, nhà cửa và vật kiến trúc đang sử dụng	26
3. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp.....	27
4. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý.....	28
PHẦN II. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	30
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ CỔ PHẦN HÓA	30
1. Cơ sở pháp lý để cổ phần hóa.....	30
2. Mục tiêu cổ phần hóa	30
3. Yêu cầu cổ phần hóa	31
4. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa	31
II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	31
1. Hình thức cổ phần hóa.....	31
2. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa	31
3. Ngành nghề kinh doanh chính.....	32

Và các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm.....	34
II. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY CP.....	34
1. Cơ cấu tổ chức.....	34
2. Chức năng nhiệm vụ các bộ phận:	36
III. GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP	37
IV. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN	37
1. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	37
2. Cổ phần.....	38
3. Đối tượng mua cổ phần	38
4. Xử lý số lượng cổ phần không bán hết.....	39
5. Đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán	40
6. Chi phí cổ phần hóa.....	40
7. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán cổ phần	40
V. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN.....	41
VI. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG	43
1. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty Cổ phần.....	43
2. Phân loại lao động	43
3. Báo cáo thực hiện chính sách với người lao động.....	44
4. Chính sách giải quyết lao động dôi dư	45
5. Chính sách đối với công nhân viên quốc phòng (CNVQP)	45
6. Chính sách đối với Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghiệp.....	45
VII. KẾ HOẠCH SXKD 3 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA.....	46
1. Đánh giá một số thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Công ty..	46
2. Mục tiêu, chiến lược phát triển Công ty	46
3. Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm sau cổ phần hóa.....	48
VIII. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN	50
PHẦN III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ	51
1. Tổ chức thực hiện phương án cổ phần hóa.....	51
2. Hoàn tất việc chuyển Công ty thành công ty cổ phần	51
3. Lộ trình cụ thể	51

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Giới thiệu chung về Công ty TNHH một thành viên Trường Thành

- Tên đầy đủ: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRƯỜNG THÀNH
- Tên Tiếng Anh: TRUONGTHANH ONE MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY
- Tên viết tắt: CÔNG TY TRƯỜNG THÀNH
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 36 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: 043.763 8874 Fax: 043.837 2573
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0100705469 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 01/12/2010, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 13/10/2014
- Tên cơ quan sáng lập: Bộ Quốc Phòng
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng (*Ba mươi tỷ đồng*)
- Chủ sở hữu: Bộ Quốc phòng
- Người đại diện theo Pháp luật: Ông Tô Văn Dũng - Chủ tịch kiêm Giám đốc

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100705469 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 01/12/2010, thay đổi lần thứ 3 ngày 13/10/2014, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao.

3. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH Một thành viên Trường Thành là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, có tư cách pháp nhân, thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu và tài khoản riêng. Bộ Quốc phòng là đại diện chủ sở hữu, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng là cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp.

Được thành lập theo quyết định số: 1575/QĐQP ngày 21/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trên cơ sở sáp nhập Xí nghiệp Trường Sơn (Đoàn 88) và Xí nghiệp Thanh Sơn (Xưởng 5), với tên gọi ban đầu là Công ty Trường Thành.

Kể từ khi thành lập, Công ty đã trải qua nhiều lần điều chỉnh về quy mô và tổ chức:

- Tháng 02/2002, thực hiện Quyết định số: 52/QĐ-BTL ngày 18/02/2002 của Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đã chuyển nguyên trạng chức năng, nhiệm vụ sửa chữa vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự về Xưởng sửa chữa vũ khí thiết bị quân sự (Xưởng 5) trực thuộc Cục Hậu cần kỹ thuật.

- Tháng 12/2003, thực hiện Quyết định số: 117/2003/QĐ-BQP ngày 09/9/2003 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã tổ chức sáp nhập Công ty Vân Đồn thuộc Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng Quảng Ninh vào Công ty Trường Thành.

- Tháng 8/2010, thực hiện Quyết định số: 2943/QĐ-BQP ngày 12/8/2010 của Bộ Quốc phòng, Công ty Trường Thành được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Trường Thành.

- Năm 2003, Công ty Vân Đồn sáp nhập vào Công ty Trường Thành trở thành Xí nghiệp Vân Đồn - đơn vị hạch toán trực thuộc, đã góp phần đa dạng hóa các lĩnh vực SXKD của Công ty.

- Năm 2004, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Xí nghiệp Xây lắp I và 05 đội trực thuộc được thành lập đã mở rộng địa bàn hoạt động SXKD của Công ty trên phạm vi toàn quốc. Với xu thế phát triển đi lên, để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, năm 2008, Công ty tiếp tục thành lập Xí nghiệp xây lắp II và 07 đội xây dựng trực thuộc, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 04 đơn vị và 12 đội xây dựng trực thuộc.

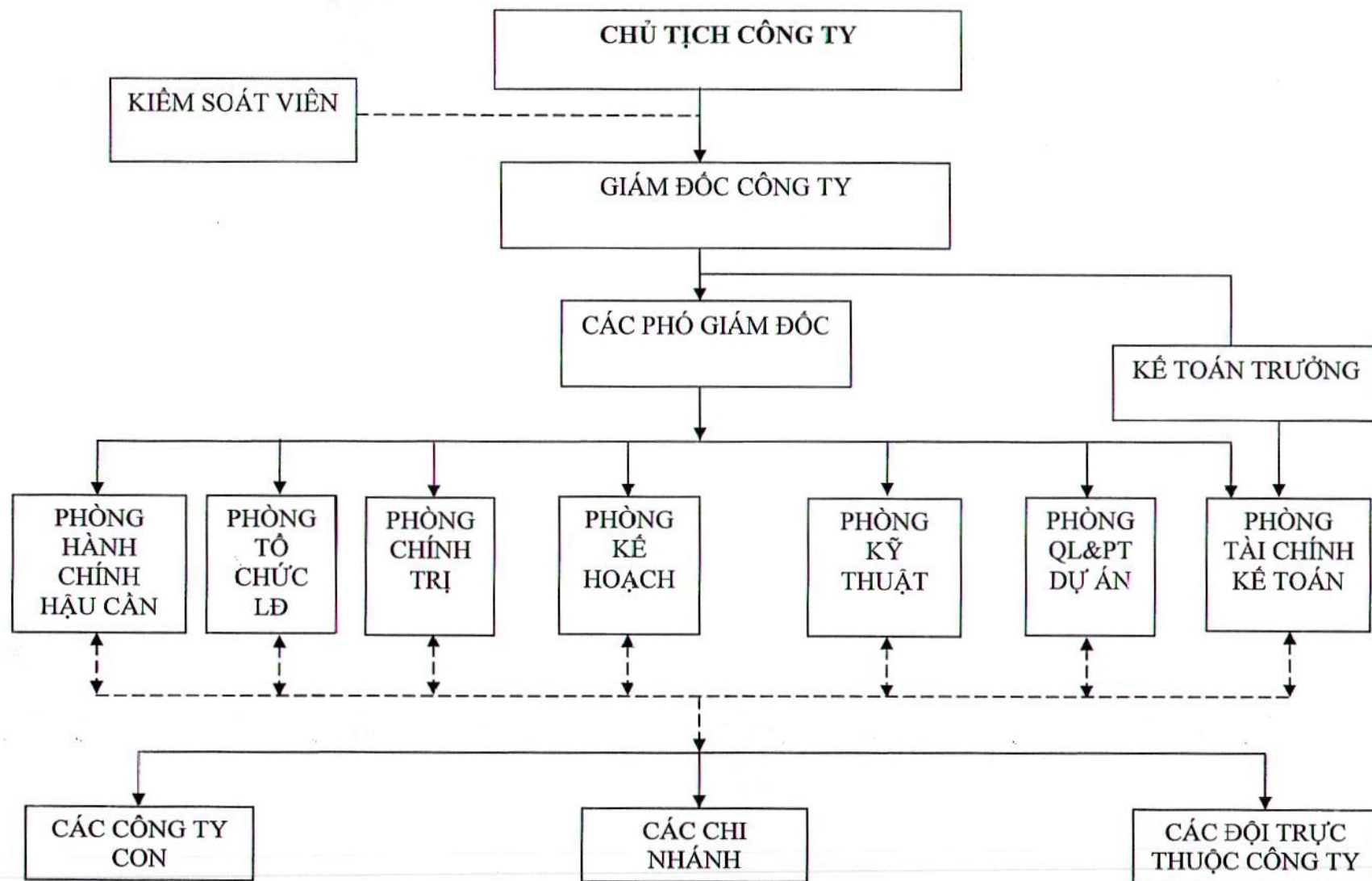
- Tháng 8/2010, thực hiện quyết định chuyển đổi Công ty Trường Thành thành Công ty TNHH một thành viên Trường Thành của Bộ Quốc phòng, Công ty tiếp tục kiện toàn, hoàn thiện tổ chức Công ty: chuyển đổi các Xí nghiệp thành viên thành Chi nhánh Công ty; thành lập mới Xí nghiệp tư vấn, khảo sát và thiết kế xây dựng - Chi nhánh Công ty và 03 đội trực thuộc Công ty, nâng tổng số đơn vị thành viên (chi nhánh Công ty) lên 05 đơn vị và 15 đội xây dựng trực thuộc, qua đó như một dấu son đánh dấu bước phát triển trưởng thành của Công ty về quy mô.

Trong hai mươi năm xây dựng và phát triển, Công ty TNHH một thành viên Trường Thành cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ được giao; hoạt động SXKD có lãi, bảo toàn và phát triển nguồn vốn Nhà nước; chấp hành đầy đủ nghĩa vụ thu nộp ngân sách với Nhà nước và cấp trên. Nội bộ công ty duy trì đoàn kết, thống nhất; đời sống và thu nhập của cán bộ công nhân viên trong Công ty không ngừng được nâng cao, các mặt hoạt động về chính trị và văn hoá tinh thần trong Công ty thường xuyên được duy trì củng cố.

4. Mô hình tổ chức hoạt động

4.1. Sơ đồ tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH Một thành viên Trường Thành được thể hiện bằng sơ đồ dưới đây:



4.2. Chức năng nhiệm vụ các phòng ban

4.2.1 Phòng Tài chính Kế toán

*** Chức năng:**

- Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong công tác quản lý tài chính và hạch toán kế toán.

- Thay mặt Ban Giám đốc hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc công ty thực hiện công tác tài chính kế toán.

*** Nhiệm vụ:**

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch huy động các nguồn vốn, kế hoạch bảo đảm vốn theo yêu cầu sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư.

- Quản lý chặt chẽ và phát huy triệt để nguồn vốn đầu tư, tổ chức thanh quyết toán các dự án do Công ty làm chủ đầu tư.

- Phân tích đánh giá hoạt động tài chính của Công ty; đề xuất xử lý các phát sinh trong quản lý, sử dụng tài chính.

- Xây dựng, trình Ban Giám đốc Công ty ban hành các quy định quản lý nội bộ công tác Tài chính - Kế toán.

- Đôn đốc các đơn vị có liên quan thực hiện việc thu hồi công nợ.

- Lựa chọn hình thức tổ chức kế toán cho phù hợp với mô hình tổ chức quản lý và tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tổ chức thực hiện công tác kế toán - Thống kê; công tác kế toán quản trị Công ty.

- Theo dõi, hạch toán, kiểm kê, quản lý chặt chẽ giá trị vật tư tài sản và các khoản công nợ của Công ty.

- Lập báo cáo quyết toán và công khai tài chính theo quy định.

- Thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng, thuế theo quy trình, quy định của nhà nước.

- Thường xuyên và định kỳ thực hiện phân tích và báo cáo tình hình hoạt động tài chính của Công ty với Đảng ủy, Ban Giám đốc để có biện pháp quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- Tổ chức phổ biến chế độ Tài chính - Kế toán của Nhà nước, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ Tài chính - Kế toán.

- Tổ chức kiểm tra, kiểm toán, giám sát các hoạt động tài chính kế toán trong toàn Công ty.

4.2.2. Phòng Kế hoạch

*** Chức năng:**

- Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong công tác xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch SXKD.

- Thay mặt Ban Giám đốc hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc công ty thực hiện công tác Kế hoạch SXKD.

- Thực hiện chức năng pháp chế trong Công ty.

*** Nhiệm vụ:**

- Nghiên cứu xây dựng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Xây dựng kế hoạch công tác và kế hoạch sản xuất kinh doanh theo định kỳ (tháng, quý, năm); Tham mưu cho Giám đốc Công ty giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD cho các đơn vị trực thuộc.

- Tham gia thẩm định kế hoạch công tác và các dự án SXKD trong toàn Công ty.

Kiểm tra, tổng hợp, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD theo quy định.

- Dự thảo các hợp đồng kinh tế và tham gia tổ chức việc thương thảo hợp đồng kinh tế. Quản lý theo dõi quá trình thực hiện, thanh lý các hợp đồng trên sau khi Công ty ký kết.

- Đề xuất mức giao khoán chỉ tiêu chi phí và lợi nhuận đối với các hoạt động SXKD trong nội bộ Công ty.

- Thực hiện tổng hợp kiểm kê, thanh xử lý trang thiết bị, vật tư, tài sản trong Công ty.

- Lập hồ sơ đấu thầu, hồ sơ đề xuất các công trình dự kiến giao đội trực thuộc Công ty thi công; thẩm định hồ sơ đấu thầu, hồ sơ đề xuất do các đơn vị thành viên trình ký.

- Kiểm tra hồ sơ, đơn đốc thực hiện thanh quyết toán các công trình do công ty thi công.

- Theo dõi, tổng hợp giá cả vật tư, phụ tùng của từng khu vực, tại từng thời điểm làm cơ sở cho công tác duyệt giá.

- Theo dõi toàn bộ phương tiện và trang thiết bị của Công ty.

- Đề xuất các phương án trang bị, điều động, thuê mượn phương tiện, trang thiết bị phục vụ SXKD.

- Thẩm định việc mua sắm trang thiết bị, vật tư tài sản của Công ty.

- Tổng hợp, báo cáo cấp trên về công tác quản lý cơ giới, công tác sửa chữa lớn và tái đầu tư phương tiện, trang thiết bị theo định kỳ.

- Đề xuất kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng phương tiện, trang thiết bị của các đơn vị trực thuộc Công ty.

- Thường xuyên cập nhật thông tin, hướng dẫn, phổ biến các văn bản pháp luật phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Tham mưu, đề xuất giải quyết các tranh chấp pháp lý có liên quan đến Công ty.

- Kiểm tra tính pháp lý của các văn bản Công ty phát hành và các hợp đồng về kinh tế Công ty ký kết theo yêu cầu của Ban giám đốc.

- Chủ trì xây dựng, sửa đổi hệ thống nội quy quy chế, quy định của Công ty; Thẩm định, đề xuất phê duyệt hệ thống nội quy, quy định của các đơn vị thành viên.

- Chủ trì tham mưu, đề xuất với Ban Giám đốc Công ty thực hiện công tác thanh tra theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức kiểm tra, đơn đốc thực hiện hệ thống nội quy, quy chế trong toàn Công ty.

- Chủ trì kiểm tra, đơn đốc thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 - 2008 trong toàn Công ty.

4.2.3. Phòng kỹ thuật

** Chức năng:*

- Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong công tác quản lý kỹ thuật và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong hoạt động SXKD của Công ty.

- Thay mặt Ban Giám đốc hướng dẫn, kiểm tra, đơn đốc các đơn vị trực thuộc công ty thực hiện công tác kỹ thuật nhằm bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, hiệu quả trong tổ chức sản xuất.

** Nhiệm vụ:*

- Căn cứ các quy trình, quy phạm, qui định hiện hành về quản lý kỹ thuật chất lượng sản phẩm phổ biến trong toàn đơn vị thực hiện; Tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty về việc giao định mức, tiến độ thi công của từng công trình cho đơn vị thành viên và đội trực thuộc, đồng thời theo dõi đơn đốc trong quá trình thực hiện.

- Kiểm tra, giám sát kỹ thuật, hướng dẫn, đơn đốc các đơn vị thi công thực hiện theo đúng các qui trình, qui phạm, yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật, tiến độ, chất lượng công trình.

- Tổng hợp báo cáo, thẩm định khối lượng công việc hoàn thành, khối lượng công việc dở dang, công việc phát sinh theo định kỳ hoặc đột xuất; tham mưu, đề xuất các biện pháp giải quyết các công việc phát sinh có liên quan đến quản lý kỹ thuật, đặc biệt là quản lý thi công.

- Lưu trữ toàn bộ hồ sơ liên quan đến công tác quản lý kỹ thuật.

- Đối với các dự án Công ty làm chủ đầu tư: Chủ trì việc lập các thủ tục phê duyệt thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình theo qui định; thực hiện công tác giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với phòng Kế hoạch tham mưu, đề xuất khai thác và quản lý các tài sản Công ty giao Phòng Kỹ thuật theo dõi, quản lý.

- Chủ trì, tham mưu, đề xuất, theo dõi, đơn đốc, quản lý các nội dung về ATLĐ và trang thiết bị bảo hộ lao động trong toàn Công ty; hướng dẫn và cung cấp cho các đơn vị trực thuộc tài liệu huấn luyện công tác an toàn lao động - bảo hộ lao động.

- Lập kế hoạch và tổ chức huấn luyện định kỳ công tác an toàn lao động - bảo hộ lao động trong toàn Công ty.

- Thường xuyên kiểm tra công tác an toàn lao động ngoài hiện trường thi công, nhà xưởng, kho tàng; Đề xuất xử lý vi phạm an toàn lao động; Tổng hợp báo cáo công tác an toàn lao động, bảo hộ lao động theo quy định.

- Tham gia đoàn điều tra tai nạn lao động, giải quyết hậu quả tai nạn lao động.

- Đề xuất các biện pháp thi công tiên tiến, các biện pháp bảo đảm an toàn lao động nhằm giảm bớt chi phí sản xuất, hạ giá thành, hạn chế rủi ro trong sản xuất.

- Tập hợp các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, phổ biến và áp dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào sản xuất. Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng cũng như các lĩnh vực khác.

4.2.4. Phòng Quản lý và phát triển dự án

** Chức năng:*

- Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong việc nghiên cứu phát triển đầu tư và quản lý, theo dõi, kiểm tra thực hiện các dự án đầu tư của Công ty.

- Thay mặt Ban Giám đốc hướng dẫn, kiểm tra, đơn đốc các đơn vị trực thuộc công ty thực hiện công tác Quản lý và phát triển dự án.

** Nhiệm vụ:*

- Thường xuyên nghiên cứu, tìm kiếm các cơ hội đầu tư trong các lĩnh vực để đưa ra các phương án đầu tư nhằm tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty trong việc lựa chọn dự án đầu tư hiệu quả.

- Thường xuyên cập nhật các chính sách có liên quan đến việc thực hiện các dự án đầu tư nhằm tham mưu cho Đảng ủy, Ban Giám đốc Công ty trong công tác quản lý, điều hành các dự án đầu tư theo đúng pháp luật.

- Chủ trì thẩm định các dự án đầu tư SXKD, quản lý đánh giá hiệu quả thực hiện đầu tư của các dự án.

- Lập kế hoạch đầu tư các dự án theo định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tổ chức thực hiện thủ tục pháp lý đối với các dự án do Công ty làm chủ đầu tư.

- Tham gia quản lý, giám sát các giai đoạn của dự án theo qui định của Nhà nước và phân công của Công ty.

- Quản lý, kiểm tra, điều chỉnh quy trình đầu tư của các dự án theo quy định hiện hành. Đề xuất các biện pháp quản lý, vận hành dự án.

4.2.5. Phòng Chính trị (kiêm Tổ chức lao động)

** Chức năng:*

- Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong việc nghiên cứu, thực hiện công tác Đảng, công tác chính trị, công tác cán bộ, công tác thi đua khen thưởng và công tác y tế trong Công ty; Thay mặt Ban Giám đốc hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện công tác Đảng, công tác chính trị đảm bảo đúng chủ trương đường lối.

- Tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong việc xây dựng mô hình tổ chức, quản lý lao động và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động; Thay mặt Ban Giám đốc hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện công tác quản lý lao động và các chế độ chính sách với người lao động.

** Nhiệm vụ:*

- Tham mưu cho Đảng ủy, Ban Giám đốc Công ty về tổ chức, triển khai thực hiện và kiểm tra các nội dung về Công tác đảng, công tác chính trị trong công ty.

- Tham mưu, đề xuất phương án quy hoạch cán bộ, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, chuyển ra đối với cán bộ theo diện quản lý.

- Tham mưu, đề xuất tổ chức triển khai công tác thi đua khen thưởng trong Công ty.

- Tham mưu cho Đảng ủy, Ban Giám đốc lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của các tổ chức quần chúng.

- Thực hiện tốt công tác quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, của Công ty đến CBCNV nhằm làm tốt công tác tư tưởng cho CBCNV.

- Cập nhật, đăng tải thường xuyên các bài viết và hình ảnh phản ánh các hoạt động nổi bật trong toàn Công ty (Trước khi đăng tải phải được sự phê duyệt của Ban Giám đốc Công ty).

- Duy trì giá trị thương hiệu Công ty.

- Chủ trì công tác tổ chức các lễ khởi công công trình toàn Công ty.

- Xây dựng cơ cấu tổ chức biên chế và cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển dụng, điều động, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công nhân viên và quản lý hồ sơ theo quy định.

- Tham mưu, đề xuất phương án quy hoạch cán bộ, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, chuyển ra đối với cán bộ theo diện quân lực quản lý.

- Tham mưu cho Đảng ủy, Ban Giám đốc về việc áp dụng, giải quyết chế độ chính sách và các vấn đề liên quan đến tranh chấp lao động trong Công ty.

- Thống kê, tổng hợp, phân tích, đánh giá về số lượng, chất lượng lao động, sử dụng lao động.
- Kiểm tra các đơn vị trực thuộc về việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng lao động.
- Thực hiện việc khám chữa bệnh và cấp phát thuốc cho CBCNV thuộc đơn vị.
- Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát và hoàn thiện các thủ tục y tế có liên quan tới chế độ của người lao động.
- Thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn phòng, chống dịch bệnh trong toàn Công ty.

4.2.6. Phòng Hành chính hậu cần

*** Chức năng:**

- Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong công tác văn phòng, quản lý vật chất, tài sản, nhà đất và đảm bảo hậu cần trong Công ty.
- Thay mặt Ban Giám đốc hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các phòng ban trong Công ty thực hiện công tác văn phòng, quản lý hành chính hậu cần và theo dõi quản lý tài sản tại trụ sở Công ty.

*** Nhiệm vụ:**

- Tổng hợp và soạn thảo văn bản có liên quan đến công tác văn phòng.
- Quản lý, xử lý công văn đi, công văn đến; tổ chức thực hiện công tác văn thư và lưu trữ tài liệu; quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của Nhà nước; quản lý hồ sơ pháp nhân và hồ sơ nhà đất của Công ty.
- Duy trì, tổ chức huấn luyện điều lệnh; Thực hiện các nhiệm vụ về công tác quản lý Hành chính quân sự, HCKT theo quy định của quân đội và của cấp trên.
- Đề xuất bố trí nơi làm việc của cơ quan Công ty; thực hiện nhiệm vụ lễ tân, tiếp khách, tổ chức hội nghị, liên hoan của Công ty; mua sắm trang thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm; đảm bảo điện thoại, điện, nước sinh hoạt, tổ chức bếp ăn tập thể cơ quan Công ty.
- Quản lý nhà đất, doanh trại, dụng cụ, nhà kho Công ty.
- Tổ chức và triển khai thực hiện công tác bảo vệ, phòng chống cháy nổ tại trụ sở Công ty; duy trì nề nếp văn hóa công sở, vệ sinh môi trường xanh, sạch, đẹp của Công ty. Quản lý điều hành hoạt động của các xe chỉ huy tại cơ quan Công ty.
- Kiểm tra, đôn đốc thực hiện công tác văn phòng, hành chính hậu cần của các đơn vị trực thuộc Công ty.
- Giúp Ban Giám đốc thực hiện công tác quan hệ ngoại giao với các cơ quan Quản lý nhà nước ở địa phương và các đơn vị ngoài Công ty trong lĩnh vực Hành chính - Hậu cần.
- Phối hợp với tổ chức công đoàn tổ chức thực hiện thăm thân, hiếu hỉ trong Công ty theo quy định.

4.2.7. Đội, Công trình trực thuộc Công ty

*** Chức năng:**

- Đội, công trình trực thuộc Công ty là đơn vị cơ sở thuộc Công ty, được hoạt động dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, chỉ huy, điều hành trực tiếp của Ban Giám đốc Công ty. Đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng trong Công ty về các mặt nghiệp vụ, chuyên môn. Thực hiện quyền tự chủ kinh doanh theo phân cấp của Công ty; Thực hiện hạch toán phụ thuộc và chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với

Công ty. Trên cơ sở nhiệm vụ Công ty giao, chủ động tìm tòi nguồn việc làm, tổ chức thực hiện các hoạt động SXKD đảm bảo tiết kiệm, chất lượng và hiệu quả.

Nhiệm vụ:

- Đội, công trình trực thuộc Công ty có trách nhiệm chủ động tìm tòi nguồn việc làm; sản xuất kinh doanh trên cơ sở tự chủ trang trải chi phí trực tiếp và một phần chi phí chung được giao một cách có hiệu quả.

- Đội, công trình trực thuộc Công ty phải nghiêm chỉnh chấp hành các mệnh lệnh sản xuất của Công ty giao và những nhiệm vụ khác do Ban Giám đốc phân công như: Xây dựng các công trình dân dụng, đồn trạm biên phòng và các công trình khác theo năng lực của Đội.

- Quản lý có hiệu quả nhất nguồn vốn mà Công ty giao cho; quản lý tài chính, tài sản đúng quy định, không để thất thoát, nợ đọng kéo dài.

- Đội, công trình trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh, về chất lượng công trình, về chi phí vật chất, về mặt pháp lý những điều khoản đã cam kết với Công ty và với khách hàng.

- Đội, công trình trực thuộc Công ty có trách nhiệm báo cáo trung thực, đầy đủ kịp thời, chính xác các thông tin, số liệu về các mặt công tác, hạch toán kinh tế, cũng như những quy định khác về Công ty.

- Đội, công trình trực thuộc Công ty có trách nhiệm thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động, đặc biệt là chế độ tiền lương và tiền thưởng. Giải quyết đúng đắn các mối quan hệ về lợi ích giữa Đội, công trình trực thuộc Công ty và các cơ sở đơn vị có liên quan, thực hiện chế độ phân phối theo lao động và công bằng xã hội, trên cơ sở lợi nhuận của Đội, công trình trực thuộc Công ty tạo ra.

- Báo cáo Ban Giám đốc Công ty kịp thời khi Đội không có việc làm, không có sản lượng (tối đa không quá 3 tháng) để BGĐ Công ty xem xét giải quyết.

4.2.8. Đơn vị thành viên Công ty

** Chức năng:*

- Các Công ty con, các Chi nhánh và các đơn vị khác trực thuộc Công ty nếu được phép thành lập và hoạt động đều gọi là đơn vị thành viên của Công ty.

** Nhiệm vụ:*

- Chịu sự quản lý trực tiếp về mọi mặt của Công ty.

- Tự chủ trong kinh doanh theo phân cấp quản lý của Công ty. Các Công ty con thực hiện hạch toán độc lập; các Chi nhánh, đơn vị khác trực thuộc Công ty thực hiện hạch toán phụ thuộc.

- Chủ động tổ chức hoạt động SXKD bảo đảm đúng pháp luật đúng quy định và uỷ quyền của Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp và đóng góp, bảo đảm quyền lợi cho người lao động có tích lũy để tái SX và phát triển SX.

- Được Công ty giao một số nguồn lực bao gồm : Vốn, tài sản và người lao động, v.v...để sử dụng đúng mục đích, đúng quy định vào nhiệm vụ phục vụ SXKD và chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển các nguồn lực, vốn tài sản, người lao động đã được giao.

- Mở rộng quan hệ tìm kiếm việc làm, mở rộng kinh doanh thực hiện ký kết hợp đồng và tổ chức thực hiện những điều đã cam kết và thanh lý hợp đồng theo sự uỷ quyền của Giám đốc Công ty.

- Bảo đảm chính sách chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật và động viên người lao động tích cực tham gia lao động sản xuất và xây dựng đơn vị.
- Thực hiện tốt công tác kế toán tài chính thống kê, báo cáo, phân tích hoạt động kinh tế tài chính theo pháp luật cũng như các công tác khác theo quy định của công ty và tự chịu trách nhiệm về tính xác thực của số liệu.
- Các đơn vị thành viên có trách nhiệm xây dựng quy định riêng phù hợp với điều lệ, nội quy, quy chế của Công ty và có hiệu lực khi được Công ty phê duyệt.

5. Tổ chức Đảng, đoàn thể

Tổ chức Đảng và đoàn thể của công ty gồm:

Tổ chức Đảng: Đảng ủy Công ty TNHH MTV Trường Thành gồm 08 chi bộ trực thuộc và 71 đảng viên.

Công đoàn cơ sở: 125 người.

Đoàn Thanh niên: 45 người.

6. Các công ty con, công ty liên kết, đơn vị phụ thuộc

6.1. Công ty con

- Tên công ty: Công ty TNHH Một thành viên Biên phòng
- Địa chỉ: Số 2 Nguyễn Thái Sơn, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ: 1.350.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 100% vốn điều lệ

6.2. Công ty liên kết: Không có

6.3. Đơn vị hạch toán phụ thuộc

STT	Tên công ty	Địa chỉ
1	Xí nghiệp xây lắp 1	Số 36 Cầu Diễn, Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
2	Xí nghiệp xây lắp 2	Số 36, Cầu Diễn, Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, HN
3	Xí nghiệp Khảo sát, thiết kế, tư vấn và xây dựng	Số 36, Cầu Diễn, Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, HN
4	Xí nghiệp Vân Đồn	Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Quảng Ninh
5	Chi nhánh Công ty tại TP. HCM	Số 2, Nguyễn Thái Sơn, Gò Vấp, TP HCM

7. Tình hình sử dụng lao động

Danh sách lao động công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2015) và thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (26/3/2017), cụ thể như sau:

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG THÀNH

Tiêu chí	31/12/2015 (Thời điểm XĐGTDN)		26/03/2017 (Thời điểm công bố GTDN)	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
I. Phân loại theo tính chất hợp đồng	147	100	144	100
- Đối tượng không ký hợp đồng lao động (Sỹ quan; Quân nhân chuyên nghiệp)	52	35,37	45	31,25
- Công nhân viên quốc phòng	15	10,20	12	8,33
- Lao động hợp đồng không xác định thời hạn	64	43,54	64	44,44
- Lao động hợp đồng có xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng	16	10,88	23	15,97
- Hợp đồng lao động thời vụ dưới 3 tháng	-	-	-	-
II. Phân loại theo trình độ lao động	147	100	144	100
- Trên đại học	4	2,72	4	2,78
- Đại học	91	61,90	91	63,19
- Cao đẳng	7	4,76	7	4,86
- Trung cấp	25	17,01	24	16,67
- Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	20	13,61	18	12,50
III. Phân loại theo giới tính	147	100	144	100
- Nam	105	71,43	98	68,06
- Nữ	42	28,57	46	31,94

Nguồn: Công ty TNHH MTV Trường Thành

Danh sách lao động tại thời điểm 26/3/2017 chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm Phương án này.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hóa

Công ty chủ yếu hoạt động trên các lĩnh vực chính là: Xây dựng nhà các loại, xây dựng các công trình như trụ sở làm việc, cầu, đường ... phục vụ công tác quốc phòng và dân sinh. Cụ thể:

1.1. Hoạt động kinh doanh xây lắp

Doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ lĩnh vực xây lắp và kinh doanh thương mại, trong đó xây lắp là lĩnh vực chủ đạo, doanh thu hàng năm từ lĩnh vực xây lắp chiếm trung

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG THÀNH

bình trên 90% tổng doanh thu toàn Công ty qua các năm. Công ty thi công đa dạng các công trình như trụ sở làm việc, cầu, đường, đồn trạm Biên phòng... phục vụ công tác quốc phòng cũng như dân sinh.

Thị trường và địa bàn hoạt động của Công ty rộng khắp cả nước, các khách hàng truyền thống của Công ty là các đơn vị trong Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Biên phòng, Hội Nông dân các tỉnh vv... trong những năm tới Công ty tiếp tục mở rộng thị trường tới các khách hàng như các tập đoàn, doanh nghiệp là chủ đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước...

Một số dự án tiêu biểu của Công ty đã thi công:



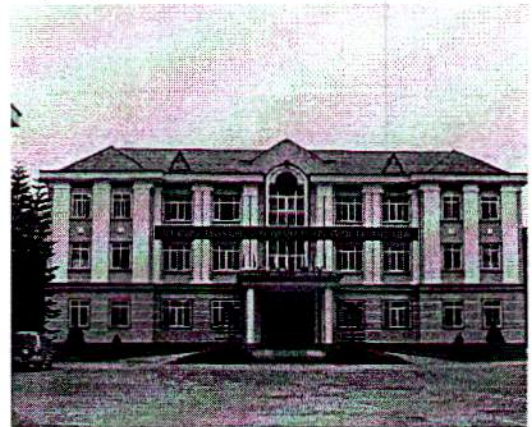
Doanh trại Sở chỉ huy Biên phòng tỉnh Cao Bằng



Đường nối cửa khẩu Lê Thanh (VN) đến cửa khẩu Oyadav (CPC)



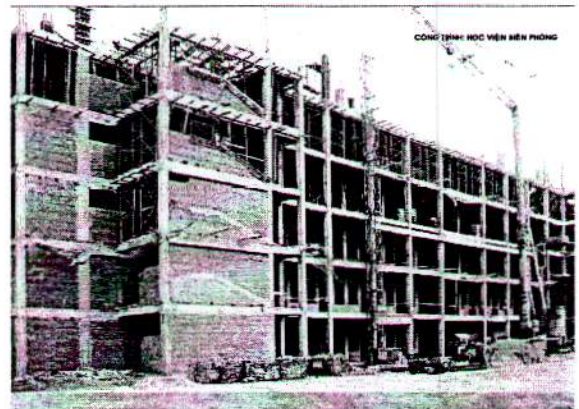
Trường cao đẳng nghề số 3 – BQP



Trụ sở Chỉ huy Biên phòng tỉnh Cao Bằng



Nhà cán bộ chiến sỹ - SCHBP Cao Bằng



Học viện Biên phòng

1.2. Hoạt động kinh doanh thương mại

Cùng với lĩnh vực xây lắp, Công ty đã có gần 20 năm tham gia kinh doanh thương mại, đặc biệt trong các lĩnh vực kinh doanh chế biến than, xăng dầu, vật liệu xây dựng... Các đầu mối kinh doanh thương mại của Công ty được triển khai trên nhiều tỉnh thành với 02 đầu mối điển hình là Xí nghiệp Vân Đồn tại Quảng Ninh và Công ty TNHH MTV Biên Phòng tại TP.HCM. Trong đó: Xí nghiệp Vân Đồn thực hiện kinh doanh chế biến than; Công ty Biên Phòng thực hiện kinh doanh xăng dầu, nhưng từ năm 2014 đã phải dừng kinh doanh xăng dầu, hiện nay hoạt động kinh doanh chính là xây lắp.

Sản lượng dịch vụ sản phẩm qua các năm*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Hoạt động bán hàng hóa	55.151	16,56	27.444	6,32	154.362	19,96
Hoạt động cung cấp dịch vụ	1.340	0,40	59	0,01	-	-
Hoạt động xây dựng, lắp đặt	276.453	83,03	406.868	93,67	619.004	80,04
Tổng cộng	332.944	100	434.371	100	773.366	100

*Nguồn: Công ty TNHH MTV Trường Thành***Doanh thu sản phẩm và dịch vụ qua các năm***Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Hoạt động bán hàng hóa	50.137	16,56	24.949	6,32	140.329	19,96
Hoạt động cung cấp dịch vụ	1.218	0,40	54	0,01	-	-
Hoạt động xây dựng, lắp đặt	251.321	83,03	369.880	93,67	562.731	80,04
Tổng cộng	302.676	100	394.883	100	703.059	100

*Nguồn: Công ty TNHH MTV Trường Thành***Nhận xét:**

Tổng doanh thu của Công ty tăng mạnh qua các năm, từ năm 2014 đến năm 2016, do nền kinh tế đất nước đã phục hồi và phát triển. Trong cơ cấu doanh thu của Công ty lĩnh vực xây lắp luôn có tỷ trọng lớn, kinh doanh thương mại chưa thật sự ổn định.

1.3. Nguyên vật liệu cho sản xuất

- Do xây lắp là lĩnh vực chủ đạo trong cơ cấu doanh thu, do vậy nguyên vật liệu được sử dụng là những loại nguyên vật liệu đặc thù phục vụ cho hoạt động xây lắp (thép,

cát, đá, gạch, xi măng....), chủng loại nguyên vật liệu được lựa chọn theo tiêu chuẩn xây dựng và yêu cầu tiêu chuẩn của từng công trình.

- Đặc thù các công trình xây lắp của Công ty là phân tán trên nhiều địa phương trong cả nước, do vậy, các nhà cung cấp vật liệu cho công ty cũng có sự phân tán tại nhiều địa phương. Tùy từng công trình, thời điểm cụ thể, công ty sẽ tìm kiếm nhà cung cấp phù hợp nhất theo nhu cầu.

1.4. Hệ thống quản lý chất lượng

Nhận biết được tầm quan trọng của chất lượng công trình với hình ảnh và uy tín của một doanh nghiệp. Công ty luôn chú trọng tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước về công tác quản lý đảm bảo chất lượng công trình. Công ty xây dựng, ban hành hệ thống quản lý chất lượng nội bộ, đáp ứng được yêu cầu quản lý chất lượng của các dự án xây dựng Công ty tham gia thi công, điển hình là hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, theo đó:

+ Tất cả các nguyên vật liệu đầu vào đều được kiểm tra chất lượng một cách kỹ lưỡng và chặt chẽ, các vật liệu đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng mới được đưa vào sử dụng cho công trình. Để kiểm soát chất lượng đầu vào, vật liệu phải được cung cấp bởi các đơn vị và các nhà sản xuất có uy tín, vật liệu sử dụng phải có đầy đủ chứng chỉ chất lượng theo quy định pháp luật.

+ Cử cán bộ thường xuyên theo dõi giám sát công trình, có trách nhiệm trong việc quản lý chất lượng. Hướng dẫn, phổ biến, giám sát các đơn vị chấp hành đúng quy trình, quy phạm hoặc quy định kỹ thuật đối với mỗi công trình đơn vị đảm nhiệm.

+ Công tác quản lý chất lượng phải được báo cáo Lãnh đạo Công ty thông qua các hội nghị giao ban hoặc bằng văn bản nhanh chóng, kịp thời, chính xác.

+ Tích cực đề xuất những giải pháp kỹ thuật với Tư vấn hoặc Chủ đầu tư trong trường hợp thi công có những vấn đề liên quan đến chất lượng hoặc giải pháp thi công.

+ Công tác quản lý chất lượng của từng công trình phải được tập hợp và lưu trữ theo chế độ qui định của Nhà nước để phục vụ cho công tác lập hồ sơ hoàn công.

1.5. Trình độ công nghệ trong sản xuất

Để phù hợp với điều kiện, tính chất và địa bàn hoạt động, trong nhiều năm qua Công ty đã kết hợp giữa đầu tư mua sắm và thuê sử dụng máy móc, trang thiết bị để phục vụ sản xuất kinh doanh. Các máy móc thiết bị được Công ty đầu tư mua sắm đều phát huy tác dụng, trong đó một số thiết bị được đầu tư mua sắm mới có tính năng tiêu chuẩn hiện đại.

Danh mục một số máy móc, thiết bị chính của Công ty như sau:

STT	LOẠI THIẾT BỊ	NƯỚC SX	NĂM SX	SỐ LƯỢNG
I	Máy móc thiết bị, phương tiện truyền dẫn			
1	Máy san Komatsu	Nhật	1988	1
2	Máy đào Kobelco PW 13ES6K	Nhật	2000	1
3	Máy đào Kobelco PW 160ESK7	Nhật	2004	1
4	Máy đầm cóc MT72	Nhật	2015	2
5	Giàn giáo hoàn thiện (bộ)	Việt Nam	2011	968
6	Máy toàn đạc điện tử	Thụy Sĩ	2015	2

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG THÀNH

STT	LOẠI THIẾT BỊ	NƯỚC SX	NĂM SX	SỐ LƯỢNG
7	Máy đo dài	Nhật	2015	3
8	Máy thủy bình	Thụy Sĩ	2015	4
II	Phương tiện vận tải			
1	Xe ô tô Toyota Fortuner	Thái Lan	2011; 2014	2
2	Xe ô tô Ford Escape	Mỹ	2002; 2003	2
3	Xe ô tô Toyota Hilux	Thái Lan	2015	4
4	Xe ô tô Toyota Zace	Nhật Bản	2003; 2004	02
5	Xe tải Thaco Auman	Việt Nam	2014	2
6	Xe ô tô KAMAZ	Nga	1997	2
7	Tàu chở dầu 1000 tấn	Việt Nam	2009/2010	1
8	Tàu chở dầu 463 tấn	Việt Nam	2009	1
9	Tàu chở dầu 140 tấn	Việt Nam	2000/2005	1
10	Xà lan chở dầu 100 tấn	Việt Nam	2009	1

Nguồn: Công ty TNHH MTV Trường Thành

1.6. Hoạt động Marketing

Các hình thức quảng cáo về hình ảnh, thương hiệu của Công ty:

- Xây dựng website: congtytruongthanh.vn để đăng tin bài nhằm giới thiệu về công ty.

- In ấn, phát hành hồ sơ năng lực để giới thiệu với các đối tác, khách hàng về hình ảnh Công ty.

- Tham gia quảng bá hình ảnh tại một số ấn phẩm báo chí trong và ngoài lực lượng quân đội: báo Biên phòng, báo Nông thôn ngày nay, tạp chí kinh tế quốc phòng...

1.7. Logo, nhãn hiệu thương mại đã đăng ký

Năm 2011, để nhận diện thương hiệu, tăng cường quảng bá hình ảnh, Công ty đã thuê đơn vị tư vấn thiết kế và đăng ký bản quyền logo hình ảnh của Công ty với slogan: “Trường Thành - Đồng hành cùng chất lượng”



TRUONGTHANH

Đồng hành cùng chất lượng

1.8. Các hợp đồng lớn đang thực hiện

TT	Tên Hợp đồng	Tổng giá trị (triệu đồng)	Năm khởi công	Chủ đầu tư
1	Gói thầu số 11: Xây dựng Sở chỉ huy BDBP tỉnh Phú Yên	59.403	2016	BCH BDBP tỉnh Phú Yên
2	Gói thầu số 10: Xây dựng Sở Chỉ huy BDBP tỉnh Gia Lai	53.992	2016	BCH BDBP tỉnh Gia Lai

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG THÀNH

TT	Tên Hợp đồng	Tổng giá trị (triệu đồng)	Năm khởi công	Chủ đầu tư
3	Gói thầu số 36: Xây dựng Xưởng đập thô; Xưởng sàng; Xưởng đập vừa và nhỏ” thuộc Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyến Đồng Sin Quyền, Lào Cai (điều chỉnh).	51.806	2016	Tổng Công ty Khoáng sản - TKV
4	Gói thầu số 2: Công trình: Đường TTBG khu vực tỉnh An Giang	45.013	2015	Ban QLDA 47/BTTM
5	Gói thầu số 3: Xây dựng BCH Cảng cửa khẩu BDBP Bà Rịa - Vũng Tàu	41.343	2016	BCH BDBP tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
6	Gói thầu số 12: Xây dựng đường giao thông biên giới từ Trạm kiểm soát BP A Dơi đi Trạm kiểm soát BP Pa Roi	41.324	2016	BCH BDBP tỉnh Quảng Trị
7	Gói thầu 19: Xây dựng công trình thủy công Hải đội 2 BDBP TP. Hải Phòng	40.609	2016	BCH BDBP TP Hải Phòng
8	Xây dựng Cầu cảng và bến cập tàu Hải đội 2 BDBP tỉnh Quảng Trị	39.761	2015	BCH BDBP tỉnh Quảng Trị
9	Gói thầu số 12: Xây dựng Bến cập tàu Hải đội 2 BDBP tỉnh Bến Tre	33.950	2016	BCH BDBP tỉnh Bến Tre
10	Gói thầu số 11: Xây dựng Tiểu đoàn HLCĐ BDBP tỉnh Cao Bằng	31.766	2016	BCH BDBP tỉnh Cao Bằng
11	Gói thầu số 11: Xây dựng Bến cập tàu Hải đội 2 BDBP tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	31.026	2016	BCH BDBP tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
12	Gói thầu số 09: Xây dựng Bến cập tàu Hải đội 2 BDBP tỉnh Bạc Liêu	30.006	2016	BCH BDBP tỉnh Bạc Liêu
13	Gói thầu số 14: Xây dựng Đồn Biên phòng Mỹ Thọ (312)/BCH BDBP tỉnh Bình Định	29.790	2016	BCH BDBP tỉnh Bình Định
14	Gói thầu số 01: Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân - Hội nông dân tỉnh Kon Tum	28.961	2015	Hội nông dân tỉnh Kon Tum
15	Gói thầu số 10: Xây dựng Bến cập tàu Hải đội 2/BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh Thái Bình.	28.348	2016	BCH BDBP tỉnh Thái Bình
16	Gói thầu số 12: Xây dựng đồn BP Xuân Thịnh (344)/BDBP Phú Yên	27.927	2016	BCH BDBP tỉnh Phú Yên
17	Gói thầu số 12: Xây dựng đồn BP Cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo/BCH BDBP Quảng Trị	27.554	2016	BCH BDBP tỉnh Quảng Trị

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG THÀNH

TT	Tên Hợp đồng	Tổng giá trị (triệu đồng)	Năm khởi công	Chủ đầu tư
18	Gói thầu số 07: Xây dựng Sở Chỉ huy BĐBP tỉnh Gia Lai	25.840	2016	BCH BĐBP tỉnh Gia Lai
19	Gói thầu số 10: Xây dựng Doanh trại Hải đội 2 BP Đà Nẵng	23.780	2016	BCH BĐBP TP. Đà Nẵng
20	Gói thầu số 10: Xây dựng Nhà khách đối ngoại BĐBP tỉnh Lạng Sơn	21.926	2016	BCH BĐBP tỉnh Lạng Sơn
21	Gói thầu số 4: Xây dựng Đồn BP Lũng Nặm (133)/BCH BĐBP Cao Bằng	21.450	2016	BCH BĐBP tỉnh Cao Bằng

Nguồn: Công ty TNHH MTV Trường Thành

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp trước cổ phần hóa

2.1. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh

Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh năm 2014 - 2016

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Giá vốn hàng bán	284.408	94,50	368.675	94,98	665.638	95,41
2	Chi phí tài chính	1.259	0,42	500	0,13	520	0,07
3	Chi phí bán hàng	-	-	1.730	0,04	7.918	1,13
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.685	4,88	18.533	4,77	23.550	3,38
5	Chi phí khác	597	0,20	271	0,07	39	0,01
Tổng cộng		300.949	100	388.152	100	697.665	100

Nguồn: BCTC năm 2014, 2015, 2016 và của Công ty

Nhận xét:

Trong cơ cấu chi phí của Công ty, giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao trên 94% do Công ty chủ yếu tập trung vào thi công các công trình xây dựng nên tỷ lệ tăng trưởng chi phí giá vốn tương đương với tỷ lệ tăng trưởng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đặc thù ngành xây dựng nên giá vốn của công ty chủ yếu là chi phí nhân công, chi phí nguyên vật liệu, chi phí khấu hao máy móc thiết bị... Tỷ lệ chi phí giá vốn năm 2014 và 2015 và 2016 chiếm tỷ trọng khá cao (trên 94%).

Năm 2014 Công ty không có chi phí bán hàng, năm 2015 và 2016 chi phí bán hàng của Công ty chiếm tỷ trọng 0,04% và 1,14%. Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng chiếm tỷ trọng ổn định trong cơ cấu tổng chi phí (chiếm từ 4% - 5% qua các năm từ 2014 đến 2016) do Công ty thực hiện chính sách điều tiết chi phí hợp lý và công tác quản lý doanh nghiệp của Công ty cũng khá tốt qua các giai đoạn.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG THÀNH

Chi phí tài chính của Công ty chiếm tỷ trọng dưới 1%, năm 2014 chi phí tài chính ở mức cao hơn các năm trên 0,42%, do doanh thu, giá vốn các năm 2015, 2016 tăng cao nhưng chi phí tài chính không tăng do công ty quay vòng vốn tốt và chiếm dụng được nguồn vốn từ khách hàng. Chi phí khác của Công ty chiếm một tỷ trọng nhỏ (dưới 0,2%) trong tổng chi phí của Công ty.

2.2. Tình hình công nợ phải thu, phải trả

Tình hình công nợ phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Phải thu ngắn hạn	141.983	199.846	208.241
Phải thu của khách hàng	116.039	154.032	169.532
Trả trước cho người bán	1.603	2.505	4.896
Các khoản phải thu khác	24.837	43.805	34.310
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(496)	(496)	(496)

Nguồn: BCTC năm 2014, 2015, 2016 và của Công ty

Tình hình công nợ phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
- Nợ ngắn hạn	197.520	271.705	352.743
Vay và nợ ngắn hạn	174	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn	97.729	104.292	149.286
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	28.884	44.567	138.098
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.103	6.673	5.425
Phải trả người lao động	1.858	3.186	5.233
Phải trả ngắn hạn khác	64.399	110.961	50.960
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	372	2.026	3.740
- Nợ dài hạn	10.000	10.000	10.000
Vay và nợ dài hạn	10.000	10.000	10.000

Nguồn: BCTC năm 2014, 2015, 2016 và của Công ty

2.3. Một số chỉ tiêu tài chính 2014 - 2016

Một số chỉ tiêu tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Tăng /giảm so với năm 2014 (%)	Năm 2015	Tăng /giảm so với năm 2015 (%)	Năm 2016
1	Doanh thu	302.676	30,46	394.883	78,04	703.059
2	Vốn kinh doanh	260.542	(86,98)	339.150	23,99	420.517
3	Vốn nhà nước	53.022	8,34	57.445	0,01	57.452
4	Lợi nhuận trước thuế	4.308	49,23	6.429	21,96	7.841

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG THÀNH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Tăng /giảm so với năm 2014 (%)	Năm 2015	Tăng /giảm so với năm 2015 (%)	Năm 2016
5	Lợi nhuận sau thuế	3.354	48,96	4.996	25,44	6.267
6	Số lao động	1020	27,94	1305	31,34	1714
7	Thu nhập bình quân người/đồng/tháng	6,6	1,52	6,7	17,91	7,9
8	Các khoản thu nộp ngân sách	11.703	62,64	9.776	(18,70)	25.073
	Trong đó:					
	- Thuế giá trị gia tăng	10.690	(22,57)	8.277	183,17	23.438
	- Thuế thu nhập DN	982	49,18	1.465	7,4	1.574
	- Thuế thu nhập cá nhân	9	166,67	24	108,33	50
	- Thuế khác	22	(54,55)	10	10	11
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn kinh doanh	1,29	0,19	1,47	0,02	1,49
10	Nợ phải trả:	197.520	37,56	271.705	33,51	362.744
	Trong đó:					
	+ Nợ ngân sách	4.103	62,64	6.673	(18,70)	5.425
	+ Nợ Bộ Tư lệnh	10.174	(1,71)	10.000	-	10.000
11	Nợ phải thu:	141.983	40,75	199.846	4,2	208.241
	Trong đó nợ khó đòi:	(496)	-	(496)	-	(496)
12	Tỷ suất LNST/Vốn NN (ROE)	6,33	2,37	8,70	2,21	10,91
13	Tỷ số thanh toán nhanh	0,90	(0,10)	0,80	(0,03)	0,77
14	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	79,65	3,41	83,06	3,28	86,34
15	Hệ số nợ phải trả/ Vốn CSH	391,38	99,01	490,39	141,55	631,94
16	Vòng quay phải thu của khách hàng	2,61	(0,04)	2,56	1,59	4,15

Nguồn: BCTC năm 2014, 2015, 2016 và của Công ty

Nhận xét:

Tỷ số khả năng thanh toán nhanh của Công ty duy trì qua các năm thấp.

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty luôn ở mức rất cao. Tuy nhiên so với các doanh nghiệp hoạt động xây dựng cơ bản thì được đánh giá ở mức đảm bảo được do đặc thù các sản phẩm xây dựng dở dang lớn. Hệ số này cho thấy Công ty đang lệ thuộc rất nhiều vào nguồn vốn bên ngoài, công ty đang rất thiếu nguồn vốn kinh doanh, chủ yếu sử dụng chiếm dụng công nợ của khách hàng, vốn vay khác. Chỉ tiêu này chứng tỏ cán cân vốn của Công ty đang còn chưa cân đối, khả năng tự chủ về tài chính của Công ty thấp, lệ thuộc vào vốn bên ngoài và chịu áp lực lớn trong thanh toán ngắn hạn.

Một trong những nguyên nhân này là do quy mô tài sản của Công ty tăng nhanh trong những năm qua trong khi vốn chủ sở hữu của Công ty không tăng nhiều.

Vòng quay các khoản phải thu khách hàng: Năm 2014 Công ty có số vòng quay thu hồi nợ là 2,61 vòng thời gian thu hồi nợ là 140 ngày, năm 2015 vòng quay thời gian thu hồi nợ giảm xuống còn 2,56 vòng tương ứng với thời gian là 142 ngày. Khả năng thu hồi vốn của Công ty còn thấp. Đây là thách thức lớn đối với công ty trong việc quản lý tài chính, do Công ty thi công các công trình có thời gian dài, nhiều công trình chậm thanh toán vốn, chậm phê duyệt quyết toán dẫn đến nợ phải thu lớn, làm giảm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Từ năm 2014 đến 2016 hàng năm công ty vẫn tuyển dụng thêm lao động phục vụ cho sản xuất kinh doanh và thi công xây dựng, với sự chuyển dịch cơ cấu doanh thu sang xây dựng xây lắp thì việc tuyển dụng thêm lao động là thiết yếu, trung bình mỗi năm lao động tăng thêm 200 người. Số lao động tăng thêm không đồng nghĩa với việc thu nhập của người lao động không tăng hoặc giảm đi mà ngược lại thu nhập bình quân của người lao động qua các năm của Công ty đều tăng so với năm trước, điều này chứng tỏ hiệu quả hoạt động cũng như chăm lo đời sống vật chất cũng như tinh thần của Công ty Trường Thành khá là tốt.

Tỷ suất sinh lời từ tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lời từ vốn chủ sở hữu (ROE) các năm duy trì ở mức ổn định.

3. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

3.1. Vị thế của công ty

Công ty TNHH Một thành viên Trường Thành có thế mạnh trong lĩnh vực thi công xây dựng các công trình dân dụng, nhà ở, thủy lợi, các công trình quốc phòng vv... Trải qua quá trình hình thành và phát triển, với sự nỗ lực của tập thể Cán bộ nhân viên toàn Công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã không ngừng phát triển về quy mô và ngành nghề sản xuất. Công ty đã tham gia thực hiện nhiều dự án lớn như: Các gói thầu xây dựng Hải đội 2 tại BCH Biên phòng các tỉnh, thành; Cải tạo và xây dựng mới Bộ chỉ huy biên phòng các tỉnh Cao Bằng, Kon Tum, Phú Yên, Gia Lai; Các gói thầu thuộc dự án đường Tuần tra Biên giới... Trong các năm gần đây, hoạt động SXKD của Công ty liên tục tăng trưởng, thị trường và thị phần được mở rộng, thương hiệu và uy tín của Công ty đã được nhiều chủ đầu tư và khách hàng ghi nhận.

3.2. Triển vọng phát triển của ngành xây dựng

- Trải qua giai đoạn bất động sản cũng như xây dựng phát triển nóng từ năm 2007 đến 2010, trong những năm sau đó Ngành xây dựng đã phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức do giá nguyên vật liệu đầu vào và lãi suất tăng cao, thị trường bất động sản trầm lắng... đã tác động tiêu cực đến ngành Xây dựng.

- Tuy nhiên, từ năm 2014 trở lại đây, hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực Xây lắp đã có chuyển biến tích cực. Chính sách lãi suất ngân hàng điều chỉnh giảm đã giúp cho các doanh nghiệp tiếp cận được vốn vay, giá vật liệu xây dựng ổn định cùng với sự ấm lên của thị trường BĐS tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các dự án, công trình. Các doanh nghiệp trong Ngành tiếp tục tập trung thực hiện tái cơ cấu, chủ động khắc phục khó khăn. Nguồn vốn cho đầu tư công được bổ sung, nhiều dự án quy

mô lớn đã được khởi công, nhiều dự án đang tạm dừng được khởi động trở lại, hoạt động xây dựng nhà ở trong dân tăng khá cao đã góp phần nâng cao giá trị sản xuất của Ngành.

- Giá trị sản xuất xây dựng năm 2015 theo giá hiện hành: ước tính đạt khoảng 974,4 nghìn tỷ đồng (tăng 11,4% so với năm 2014); bao gồm: Khu vực Nhà nước đạt 82,1 nghìn tỷ đồng (tăng 7%), chiếm 8,4%; khu vực ngoài Nhà nước 830,5 nghìn tỷ đồng (tăng 12,2%), chiếm 85,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 61,8 nghìn tỷ đồng (tăng 7,1%), chiếm 6,4%. Trong tổng giá trị sản xuất: công trình nhà ở đạt 374,2 nghìn tỷ đồng (tăng 13%); công trình nhà không để ở đạt 156,7 nghìn tỷ đồng (giảm 5,2%); công trình kỹ thuật dân dụng đạt 318,2 nghìn tỷ đồng (tăng 19,8%), hoạt động xây dựng chuyên dụng đạt 125,3 nghìn tỷ đồng (tăng 11,7%).

Do vậy, nhận định trong giai đoạn từ 2017 - 2020, ngành Xây dựng tiếp tục xu thế phát triển.

3.3. Đánh giá sự phù hợp của Công ty với sự phát triển của Ngành

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Công ty Trường Thành luôn xác định lĩnh vực Xây lắp là hoạt động SXKD chính yếu của Công ty. Để phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty Trường Thành đã tích cực đầu tư bổ sung trang thiết bị, chú trọng đào tạo bồi dưỡng và tuyển dụng nhân sự có trình độ, năng lực và tay nghề cao. Với các nguồn lực và bề dày kinh nghiệm đã có, Công ty Trường Thành có đủ khả năng để thi công hoàn thành các loại công trình như: dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cầu đường, an ninh quốc phòng vv...

Trong tổ chức thi công, Công ty luôn chú trọng tới hoạt động kiểm soát chất lượng, tiến độ, an toàn lao động và hiệu quả kinh tế; Các kỹ thuật và công nghệ thi công mới thường xuyên được cập nhật; các hoạt động liên danh, liên kết trong tổ chức thi công cũng được Công ty áp dụng đối với một số công trình đặc thù.

Với sự chú trọng nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao chất lượng sản phẩm, uy tín và hình ảnh của Công ty đã được nâng cao, Công ty có khả năng thích ứng và phát triển cùng với xu thế phát triển của ngành.

3.4. Đánh giá thuận lợi và khó khăn

a. Thuận lợi

- Được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ giúp đỡ của ban lãnh đạo Bộ Quốc phòng, Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng, các cơ quan chức năng giúp đỡ Công ty trong quá trình hoạt động, trong đó có nhiều dự án được chỉ định thầu.

- Bộ máy lãnh đạo Công ty ổn định, cán bộ và người lao động nêu cao tinh thần đoàn kết, có tính kỷ luật cao, yên tâm công tác.

- Công ty có nhiều địa bàn và khách hàng truyền thống, đặc biệt là trong Bộ Quốc phòng.

- Có hệ thống quy chế, quy trình làm việc đầy đủ, hoàn chỉnh. Các đơn vị trong công ty có sự phối hợp chặt chẽ trong công việc; có hệ thống quản lý chất lượng đã được duy trì nhiều năm.

b. Khó khăn

- Sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cùng ngành nghề.

- Giá trị doanh thu của Công ty còn phụ thuộc nhiều vào các dự án có vốn đầu tư công; các nguồn vốn tư nhân và vốn khác chiếm tỷ lệ thấp.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG THÀNH

- Trang thiết bị tuy thường xuyên được đầu tư bổ sung song vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu SXKD, Công ty chủ yếu sử dụng trang thiết bị thuê mượn trong tổ chức thi công.
- Năng lực thi công các công trình quy có mô lớn còn hạn chế.
- Vốn điều lệ thấp, tỷ lệ vốn chủ sở hữu trong tổng tài sản chưa cao chủ yếu là vốn vay.
- Công nợ phải thu còn tồn đọng lớn, một số khoản dự kiến khó thu hồi.
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại quy mô còn nhỏ; hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty Biên phòng đang phải tạm dừng theo chỉ đạo của Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng.

III. THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG THÀNH TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Tài sản cố định của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015

STT	Tên tài sản	Theo giá trị đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	2	3	4
A	TSCĐ đang dùng	26.813.523.029	17.377.736.393
I	Tài sản cố định hữu hình	26.813.523.029	17.377.736.393
1	Nhà cửa vật kiến trúc	6.522.581.816	3.886.596.938
2	Máy móc thiết bị	3.474.936.521	2.646.889.546
3	Phương tiện vận tải	16.816.004.692	10.844.249.909
II	Tài sản cố định vô hình	-	-
B	TSCĐ không cần dùng	2.378.629.045	1.831.849.438
I	Tài sản cố định hữu hình	2.378.629.045	1.831.849.438
1	Nhà cửa vật kiến trúc	2.378.629.045	1.831.849.438
C	TSCĐ chờ thanh lý	3.407.240.060	-
1	Máy móc thiết bị	360.000.000	-
2	Phương tiện vận tải	3.047.240.060	-
	Cộng	34.978.021.179	19.209.585.831

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 của Công ty TNHH MTV Trường Thành

2. Tình hình về đất đai, nhà cửa và vật kiến trúc đang sử dụng

Tình hình sử dụng đất đai của Công ty:

STT	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m ²)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng
1	Đất Trụ sở chính tại: Số 36 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội (Trước đây là Xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội).	1.785	01 Nhà 5 tầng, 02 dãy nhà cấp 4	Dùng làm trụ sở làm việc	Đất quốc phòng được cấp trên giao	Không xác định thời hạn

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG THÀNH

STT	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m ²)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng
2	Đất trụ sở XN Vân Đồn tại Khu đất nhà An điều dưỡng, đường Hậu Cần, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	838	Nhà làm việc cấp 4	Dùng làm trụ sở làm việc	Đất quốc phòng được cấp trên giao	Không xác định thời hạn
3	Đất trụ sở Chi nhánh TPHCM tại phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	1.152	Nhà làm việc cấp 4	Dùng làm trụ sở làm việc	Đất quốc phòng được cấp trên giao	Không xác định thời hạn
	Tổng cộng	3.775				

3. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Theo Quyết định số 884/QĐ-BQP ngày 26/3/2017 của Bộ Quốc Phòng về giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên Trường Thành tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015:

Tổng giá trị tài sản doanh nghiệp là **338.219.495.946** đồng.

Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là **55.988.574.304** đồng.

Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả đánh giá lại như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4 = 3 - 2</i>
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	336.135.496.151	338.219.495.946	2.083.999.796
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	17.204.291.785	18.422.459.382	1.218.167.597
1. Các khoản phải thu dài hạn	39.139.319	39.139.319	-
2. Tài sản cố định	15.815.152.466	17.377.736.393	1.562.583.927
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.350.000.000	862.464.556	(487.535.444)
4. Chi phí trả trước dài hạn	-	143.119.114	143.119.114
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	318.931.204.366	319.432.005.459	500.801.093
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	13.573.714.416	13.573.731.116	16.700
<i>a. Tiền</i>	<i>13.573.714.416</i>	<i>13.573.731.116</i>	<i>16.700</i>
<i>b. Các khoản tương đương tiền</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	198.664.698.789	199.165.483.182	500.784.393

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG THÀNH

Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
3. Hàng hóa tồn kho	101.695.148.379	101.695.148.379	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	4.997.642.782	4.997.642.782	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	365.031.106	365.031.106
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DỪNG	3.016.879.080	3.016.879.080	-
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	1.831.849.438	1.831.849.438	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	1.185.029.642	1.185.029.642	-
C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	339.152.375.231	341.236.375.026	2.083.999.796
Trong đó:			
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	336.135.496.151	338.219.495.946	2.083.999.796
E1. Nợ thực tế phải trả	281.707.834.658	282.208.620.051	500.785.393
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	22.301.591	22.301.591	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP (A - (E1+E2))	54.405.359.902	55.988.574.304	1.583.214.403

Nguồn: Hồ sơ XĐGT DN Công ty TNHH Một thành viên Trường Thành

4. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

4.1. Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp:

- Đến thời điểm phát hành Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty TNHH MTV Trường Thành đã tiến hành đối chiếu được 85,0% giá trị công nợ phải thu và 91,4% giá trị công nợ phải trả. Công ty có tiếp tục hoàn tất việc đối chiếu công nợ trước thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu khi cổ phần hoá.

- Khoản công nợ phải thu của Công ty CP Đầu tư Quốc tế Việt - Anh (số tiền nợ gốc 496.283.000 đồng) chưa đủ điều kiện xác định là khoản công nợ không có khả năng thu hồi đang được tạm xử lý bằng khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi. Sau khi có ý kiến chính thức của cơ quan có thẩm quyền, nếu có thay đổi sẽ điều chỉnh cho phù hợp.

4.2 Đến thời điểm trình phương án cổ phần hóa:

- Công ty TNHH MTV Trường Thành đã tiến hành đối chiếu được 95% giá trị công nợ phải thu và 97% giá trị công nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Các khoản công nợ còn lại, công ty đã gửi các khách nợ, tiếp tục đối chiếu.

- Đối với các khoản công nợ không có khả năng thu hồi của các tổ chức, cá nhân số tiền: 1.185.029.642 đồng, đề nghị phương án xử lý như sau:

+ Xóa nợ đối với các khoản công nợ phải thu không có khả năng thu hồi nhưng khách nợ đã mất, các khoản công nợ giảm do cắt giảm của cơ quan có thẩm quyền với lý do khách quan, giá trị: 764.634.880 đồng.

+ Đối với các khoản công nợ phải thu không có khả năng thu hồi đã được xử lý loại bỏ giá trị doanh nghiệp nhưng khách nợ vẫn tồn tại (các công trình thuộc vốn ngân sách nhà nước chủ đầu tư không bố trí được nguồn vốn thanh toán) với giá trị: 420.394.762 đồng, đề nghị bàn giao sang công ty cổ phần tiếp tục theo dõi và tổ chức thu hồi.

PHẦN II. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ CỔ PHẦN HÓA

1. Cơ sở pháp lý để cổ phần hóa

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013; Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần
- Thông tư số 56/2013/TT-BQP ngày 02/5/2013 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trong Quân đội thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 114/2015/TT-BQP ngày 28/09/2015 của Bộ quốc phòng hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu trong Quân đội.
- Thông tư 154/2016/TT-BQP ngày 12/10/2016 Hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư khi thực hiện sắp xếp công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu trong Bộ quốc phòng.
- Công văn số 25/TTg-ĐMDN ngày 30/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng;
- Quyết định số 5232/QĐ-BQP của Bộ Quốc Phòng ngày 06/12/2015 về thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Trường Thành thuộc Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng;
- Quyết định số 5233/QĐ-BQP của Bộ Quốc phòng ngày 06/12/2015 về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Trường Thành thuộc Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng;
- Quyết định số 2195/QĐ-BCĐ của Ban chỉ đạo CPH ngày 17/12/2015 về việc thành lập Tổ giúp việc cổ phần hóa;
- Quyết định số 884/QĐ-BQP ngày 26/3/2017 của Bộ Quốc Phòng về phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên Trường Thành thuộc Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng để cổ phần hóa.

Và một số văn bản pháp luật liên quan đến công tác cổ phần hóa khác.

2. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, thực hiện Quyết định số 5232/QĐ-BQP ngày 06/12/2015 của Bộ Quốc Phòng về việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Trường Thành, Công ty TNHH Một thành viên Trường Thành thực hiện chuyển đổi sang mô hình hoạt động Công ty cổ phần với những mục đích:

- Thực hiện chủ trương của chính phủ về đa dạng hóa hình thức sở hữu, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sử dụng vốn của nhà nước; nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp; tạo động lực mạnh mẽ cho người lao động và cơ chế quản lý năng động, làm cho doanh nghiệp tự chủ, năng động và trách nhiệm cao hơn, phù hợp với cơ chế thị trường và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Huy động vốn của toàn xã hội, bao gồm: cá nhân, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội trong nước và ngoài nước để đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển doanh nghiệp.

- Phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của các cổ đông; tăng cường sự giám sát của nhà đầu tư đối với doanh nghiệp; đảm bảo hài hòa lợi ích của doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

- Sau cổ phần hóa, phần đầu đạt mức tăng trưởng cao, thu nhập của người lao động ngày càng nâng cao, đóng góp nhiều hơn cho Ngân sách Nhà nước.

3. Yêu cầu cổ phần hóa

- Đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty Trường Thành.

- Đảm bảo ổn định, không gây ra biến động lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, các cổ đông và người lao động.

- Thực hiện công khai minh bạch nguyên tắc thị trường.

4. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

- Công ty TNHH Một thành viên Trường Thành đơn vị luôn hoàn thành nhiệm vụ mà Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đề ra, Công ty nhận được sự hỗ trợ, tạo điều kiện sản xuất kinh doanh của Bộ Quốc Phòng, Bộ Tư lệnh. Cùng với đó là tình hình tài chính qua các năm tương đối ổn định nên đây là điều kiện thuận lợi cho Công ty Trường Thành trong việc chuyển đổi thành công ty cổ phần.

- Quy mô doanh nghiệp không lớn, Cơ cấu tổ chức của Công ty tương đối phù hợp với quy mô và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

- Công ty luôn sát sao và tuân thủ các quy định chủ trương, chính sách của Nhà nước về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Hình thức cổ phần hóa

Công ty thực hiện cổ phần hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011: ***“Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ”***.

2. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa

- Tên đầy đủ của Công ty : Công ty cổ phần Trường Thành - BQP
- Tên Tiếng Anh : Truong Thanh - BQP Joint Stock Company
- Tên viết tắt : Truong Thanh BQP
- Địa chỉ : Số 36, đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Điện thoại : 04 3837 2573 Fax: 04 3837 2573

- Website : www.congtytruongthanh.vn

- Biểu tượng công ty :



TRUONGTHANH

Đồng hành cùng chất lượng

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Sau khi chuyển sang Công ty cổ phần, Công ty vẫn tập trung hoạt động sản xuất kinh doanh các ngành nghề kinh doanh như trước cổ phần hóa và mở rộng thêm một số ngành nghề kinh doanh khác, cụ thể như sau:

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Xây dựng nhà các loại	4100
2	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
3	Xây dựng công trình công ích: đê, đập, thủy lợi, thủy điện	4220
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
5	Phá dỡ	4311
6	Chuẩn bị mặt bằng	4312
7	Lắp đặt hệ thống điện	4321
8	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
9	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
10	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
11	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Quy hoạch, thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế xây dựng công trình cầu đường; Thiết kế cấp thoát nước; Thiết kế hệ thống điện; Thiết kế công trình đường thủy; Thiết kế kỹ thuật trắc địa, đo vẽ bản đồ địa hình, địa chính; Kho sát trắc địa công trình; Giám sát xây dựng và hoàn thiện.	7110
12	Khai thác và thu gom than cứng	5100

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG THÀNH

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
13	Khai thác quặng không chứa sắt	7210
14	Khai thác và thu gom than non	5200
15	Khai thác đá, cát sỏi, đất sét	8101,8102, 8103
16	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
17	Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương	5012
18	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá	5210
19	Bốc xếp hàng hoá	5224
20	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
21	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
22	Trồng cây cao su	1250
23	Khai thác gỗ	2210
24	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	2220
25	Trồng rừng và chăm sóc rừng	2109
26	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, cho thuê văn phòng	6810
27	Giáo dục nghề nghiệp	8532
28	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
29	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
30	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
31	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
32	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
33	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
34	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
35	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và các thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
36	Giáo dục mầm non	8510
37	Giáo dục tiểu học	8520
38	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531

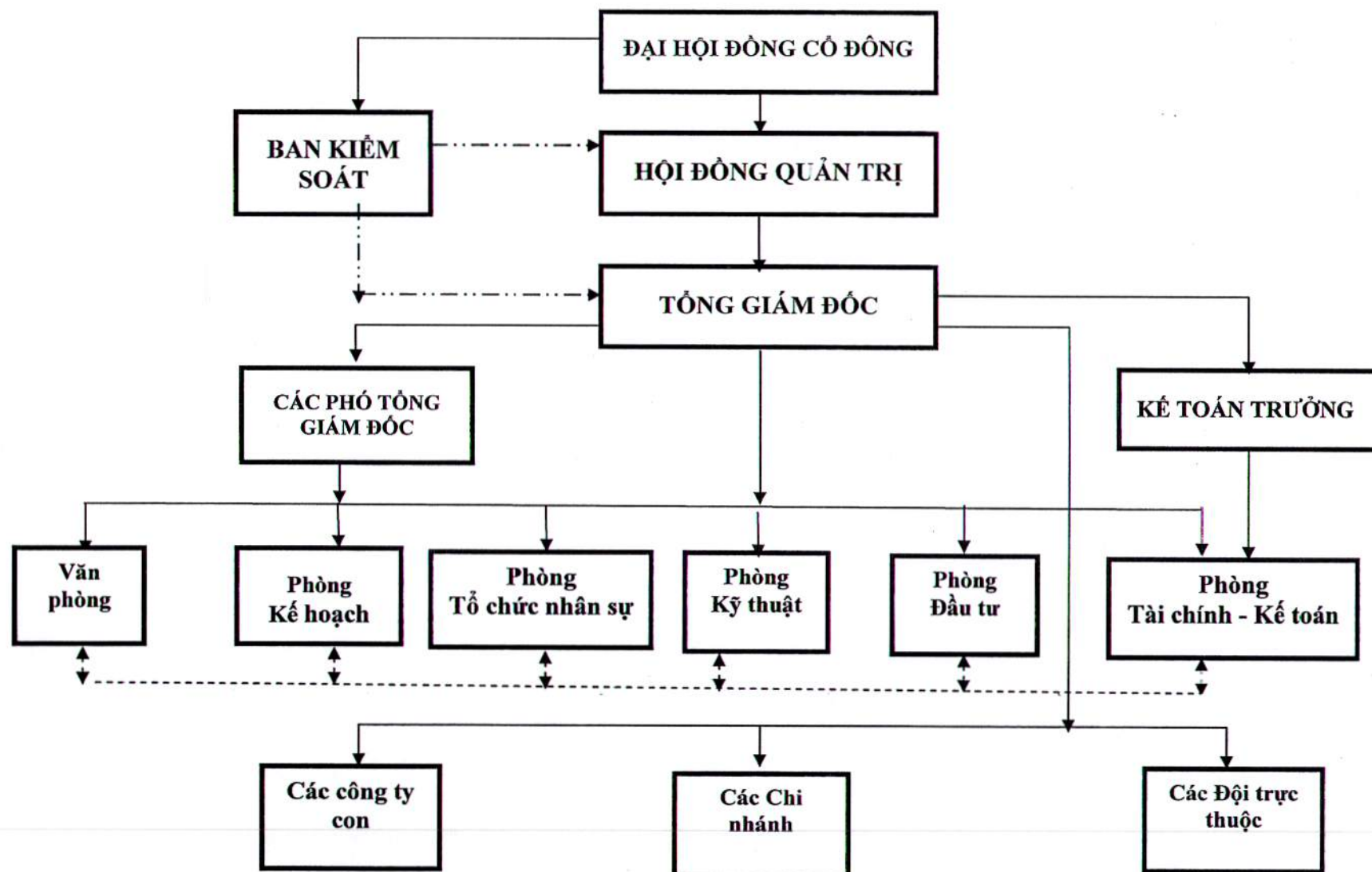
TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
39	Giáo dục nghề nghiệp	8532
40	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
41	Giáo dục văn hóa nghệ thuật	8552
42	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
43	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
44	Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa	5022

Và các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm.

II. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY CP

1. Cơ cấu tổ chức

Sau khi chuyển sang mô hình hoạt động của Công ty cổ phần, Công ty dự kiến xây dựng lại bộ máy hoạt động các Công ty để phù hợp với ngành nghề kinh doanh mới, cụ thể như sau:



2. Chức năng nhiệm vụ các bộ phận:

2.1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường, tổ chức ít nhất mỗi năm một lần, quyết định chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thông qua nghị quyết các vấn đề như bổ sung và sửa đổi Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,... Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2.2. Hội đồng quản trị (HĐQT)

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ. HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành.

2.3. Ban kiểm soát (BKS)

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ, như: Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành trong việc quản lý, điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính công ty; Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;

2.4. Ban Giám đốc

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc theo luật định, theo Điều lệ của Công ty, v.v... và giải quyết những vấn đề được Hội đồng quản trị phân cấp hoặc ủy quyền cho Giám đốc.

Giám đốc điều hành chung các hoạt động của Công ty. Giám đốc bằng quyết định của mình phân công cho các Phó Giám đốc phụ trách một số lĩnh vực cụ thể. Theo yêu cầu điều hành trong từng thời gian, Giám đốc có thể điều chỉnh lại sự phân công công việc giữa các Phó Giám đốc. Khi cần thiết Giám đốc có thể ủy quyền cho Phó Giám đốc thực hiện một số nhiệm vụ của Giám đốc.

Quyết định vấn đề lớn hoặc đột xuất mới phát sinh, các sự cố như thiên tai, tai nạn... ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.5. Bộ máy giúp việc

Các Phòng ban chuyên môn nghiệp vụ: có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, bao gồm:

- Văn phòng, Phòng Kế hoạch, Phòng Kỹ thuật, Phòng Đầu tư, Phòng Tổ chức nhân sự, Phòng Tài chính Kế toán.

- Các công ty con;
- Các Chi nhánh;

- Các Đội trực thuộc.

III. GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Theo quyết định số 884/QĐ-BQP ngày 26/3/2017 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Trường Thành tại thời điểm 31/12/2015 như sau:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa : **338.219.495.946 đồng**
- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp : **55.988.574.304 đồng**

IV. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN

1. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

1.1. Cơ sở xây dựng vốn điều lệ

- Căn cứ Khoản 1 Điều 9 và Khoản 1 Điều 36 Nghị định 59/2011/NĐ-CP;
- Căn cứ công văn số 25/TTg-ĐMDN ngày 30/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng;

- Theo quyết định số 884/QĐ-BQP ngày 26/3/2017 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Trường Thành;

- Nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Trên cơ sở đó, Công ty đề xuất Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần như sau:

- + Vốn điều lệ đề xuất : **56.000.000.000 đồng**
- + Mệnh giá một cổ phần : **10.000 đồng/cổ phần**
- + Số lượng cổ phần : **5.600.000 cổ phần**

1.2. Cơ cấu vốn điều lệ

Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh cho những năm tiếp theo, Công ty dự kiến cơ cấu vốn điều lệ khi chuyển sang Công ty Cổ phần như sau:

Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến của Công ty

TT	Danh mục	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	2.240.000	22.400.000.000	40,00
2	Cổ phần bán cho CBCNV, trong đó:	343.100	3.431.000.000	6,13
2.1	Cổ phần bán ưu đãi theo năm làm việc thực tế trong khu vực nhà nước	151.400	1.514.000.000	2,70
2.2	Cổ phần đăng ký mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài cho Công ty (200 CP/năm công tác)	36.200	362.000.000	0,65
2.3	Cổ phần đăng ký mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài cho Công ty (500 CP/năm công tác)	155.500	1.555.000.000	2,78
3	Cổ phần bán cho công đoàn công ty	0	0	0
4	Cổ phần bán ra bên ngoài	3.016.900	30.169.000.000	53,87

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG THÀNH

TT	Danh mục	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
4.1	Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	-	-	-
4.2	Cổ phần bán đấu giá công khai (IPO)	3.016.900	30.169.000.000	53,87
	Tổng Cộng	5.600.000	56.000.000.000	100,00

2. Cổ phần

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế được thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty cổ phần và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Đối tượng mua cổ phần**3.1. Cổ phần bán cho Cán bộ công nhân viên**

** Cổ phần ưu đãi giảm giá (giảm 40% bán cho NLĐ) theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP.*

- Tổng số lao động tại thời điểm 26/03/2017 : 144 người
- Tổng số lao động mua ưu đãi : 127 người
- Tổng số năm công tác : 1.514 năm
- Tổng số cổ phần được mua ưu đãi : 151.400 phần, chiếm 2,70% vốn điều lệ của Công ty cổ phần

- Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (26/03/2017) cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá mua ưu đãi.

- Danh sách người lao động, năm công tác của từng người, số cổ phần từng người được mua theo giá ưu đãi được lập theo Phụ lục 1 đính kèm phương án này.

** Cổ phần ưu đãi theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP:*

- Tiêu chí xác định:

** Tiêu chí chung:*

+ Là người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp.

+ Có thời gian cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu).

+ Có đơn xin mua thêm cổ phần ưu đãi đối với người lao động cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp sau khi cổ phần hoá.

** Tiêu chí mua thêm cổ phần ưu đãi đối với người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao:*

+ Các đ/c giữ các chức danh: Ban Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên, Trưởng, phó phòng chức năng Công ty. Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty con. Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Đội trưởng, Trưởng ban

ng nghiệp vụ các Xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc Công ty. Trường, phó phòng thuộc Công ty con. Giám đốc chi nhánh thuộc Công ty con. Đội trưởng, chủ nhiệm công trình trực thuộc Công ty. Trợ lý nghiệp vụ.

+ Sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp

+ CB, CNV đạt một trong các danh hiệu: Được phong tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, Giấy khen của Bộ Quốc phòng, BTL BDBP trở lên trong vòng 5 năm gần đây.

+ Lao động chuyên môn kỹ thuật từ bậc 2/7 trở lên (đối với CMKT1,2,3) và từ bậc 3/6 trở lên (đối với NV/KTV 1,2).

+ Công nhân bậc 6/7 trở lên và lái xe đang giữ bậc lương 4/4.

- Tổng số lao động cam kết làm việc lâu dài: 74 người

- Tổng số cổ phần đăng ký mua theo cam kết: 191.700 cổ phần, chiếm 3,43% vốn điều lệ của Công ty cổ phần. Trong đó:

+ *Mua thêm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 48 NĐ 59/2011/NĐ-CP(200cp/1 năm): 34 người tương ứng với 36.200 cổ phần, tương đương 0,65% Vốn điều lệ.*

+ *Mua thêm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 NĐ 59/2011/NĐ-CP(500cp/1 năm): 40 người tương ứng với 155.500 cổ phần, tương đương 2,78% Vốn điều lệ.*

3.2. Cổ phần bán cho Công đoàn

Tổ chức công đoàn Công ty không đăng ký mua cổ phần.

3.3. Cổ phần bán đấu giá công khai

- Số lượng cổ phần bán đấu giá công khai: **3.016.900 cổ phần**, tương ứng **53,87%** vốn điều lệ.

- Thời gian bán cổ phần dự kiến: Thời gian bán cổ phần được quy định cụ thể và được công bố rộng rãi tại Quy chế bán đấu giá cổ phần nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày có quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hóa.

- Giá khởi điểm chào bán: Căn cứ kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, tình hình hoạt động kinh doanh, triển vọng phát triển của Công ty và diễn biến thị trường chứng khoán hiện nay, Công ty đề xuất giá khởi điểm chào bán cổ phần là **10.000 đồng/cổ phần**.

- Cơ quan tư vấn bán đấu giá cổ phần: Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)

- Cơ quan thực hiện bán đấu giá cổ phần: **Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)**

+ Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

+ Điện thoại: (84-4) 3941 2626

Fax: (84-4) 3943 7818

- Đối tượng tham gia đấu giá: Tất cả các nhà đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Mã chứng khoán đề xuất: TTM

4. Xử lý số lượng cổ phần không bán hết

- Trường hợp Công ty không chào bán hết số cổ phần chào bán theo Phương án được phê duyệt, Ban chỉ đạo cổ phần hoá được quyền chào bán công khai tiếp số

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG THÀNH

lượng cổ phần không bán hết cho các nhà đầu tư đã tham gia đấu giá theo phương thức thỏa thuận trực tiếp.

- Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận trực tiếp mà vẫn không bán hết, Ban chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty để chuyển thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu.

5. Đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán

- Số cổ phần mua qua đấu giá sẽ được lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính.

- Sau khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp), Công ty hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng theo Điều 14 Quyết định 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Chính phủ.

6. Chi phí cổ phần hóa

TT	Khoản mục chi phí	Số tiền (đồng)
I	Các khoản chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp	130.000.000
1	Chi phí cho việc tập huấn nghiệp vụ về cổ phần hóa doanh nghiệp	10.000.000
2	Chi phí kiểm kê xác định giá trị tài sản	20.000.000
3	Chi phí lập phương án cổ phần hóa, xây dựng điều lệ	30.000.000
4	Chi phí cho đại hội công nhân viên chức để triển khai cổ phần hóa	20.000.000
5	Chi phí hoạt động tuyên truyền, công bố các thông tin về doanh nghiệp	15.000.000
6	Chi phí cho đại hội cổ đông lần đầu	35.000.000
II	Chi phí thuê tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, lập phương án cổ phần hóa và tư vấn đấu giá cổ phần	175.000.000
1	Chi phí thuê tư vấn xử lý tài chính, xác định giá trị doanh nghiệp	145.000.000
2	Chi phí thuê tổ chức trung gian bán đấu giá cổ phần	30.000.000
III	Chi phí cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ giúp việc cổ phần hóa	250.000.000
1	Thù lao cho Ban chỉ đạo CPH	117.000.000
2	Thù lao cho Tổ giúp việc CPH	48.000.000
	Tổng cộng	500.000.000

Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế phát sinh sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

7. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán cổ phần

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty tạm tính số tiền thu từ cổ phần hóa theo phương án giả định tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá khởi điểm là 10.000 đồng/CP, sau khi có giá chính thức sẽ điều chỉnh theo, cụ thể như sau:

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG THÀNH

TT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	56.000.000.000
2	Vốn nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	55.988.574.304
3	Tiền thu từ cổ phần hóa	32.994.400.000
A	Thu từ bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV	908.400.000
B	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV mua thêm	1.917.000.000
C	Thu từ bán cho cổ đông chiến lược	-
D	Thu từ bán đấu giá	30.169.000.000
4	Giá trị cổ phần theo giá khởi điểm bán cho CBCNV, cổ đông chiến lược, bán đấu giá ra bên ngoài	33.600.000.000
5	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm (5) = (1) - (2)	11.425.696
6	Chi phí cổ phần hóa đơn vị thực hiện	500.000.000
7	Chi phí giải quyết chính sách:	526.950.675
A	Dôi dư đối với lao động hợp đồng	200.592.500
B	Thôi việc đối với CNVQP	326.358.175
8	Phần thặng dư để lại doanh nghiệp tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/vốn điều lệ (8) = { (3) - (4) - (6) - (7) } x {(5)/(1)}	0
9	Tổng số hoàn vốn ngân sách (9) = (3) - (5) - (6) - (7) - (8)	31.956.023.629

V. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN

Tình hình sử dụng đất đai của Công ty sau cổ phần hóa như sau

STT	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m ²)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa	
							Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất
1	Đất Trụ sở chính tại: Số 36 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội (Trước đây là Xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội).	1.785	01 Nhà 5 tầng, 02 dãy nhà cấp 4	Dùng làm trụ sở làm việc	Đất quốc phòng được cấp trên giao	Không xác định thời hạn	Thuê đất trả tiền hàng năm	Dùng làm trụ sở làm việc
2	Đất trụ sở XN Vân Đồn tại Khu đất nhà An điều dưỡng, đường Hậu Cần, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	838	Nhà làm việc cấp 4	Dùng làm trụ sở làm việc	Đất quốc phòng được cấp trên giao	Không xác định thời hạn	Bàn giao lại về cho Bộ tư lệnh Biên phòng theo nội dung văn bản số 2618/BTM-TC ngày 27/12/2016	
3	Đất trụ sở Chi nhánh TPHCM tại phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	1.152	Nhà làm việc cấp 4	Dùng làm trụ sở làm việc	Đất quốc phòng được cấp trên giao	Không xác định thời hạn	Bàn giao về cho Bộ tư lệnh Biên phòng theo quyết định 1373/QĐ-BTL ngày 09/5/2016	
	Tổng cộng	3.775						

VI. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Để nâng cao hiệu quả SXKD của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang Công ty cổ phần. Căn cứ vào hiện trạng và nhu cầu sử dụng lao động phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty sau khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần, phù hợp với các quy định của Pháp luật về lao động, Công ty dự kiến phương án sử dụng lao động như sau:

1. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty Cổ phần

Tiêu chí	Số người	Tỷ lệ (%)
*Theo trình độ lao động	126	100,00
- Trên đại học	4	3,17
- Đại học	80	63,49
- Cao đẳng	6	4,76
- Trung cấp các loại	23	18,25
- Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	13	10,32
* Phân theo lao động	126	100,00
- Sĩ quan, QNCN	35	27,78
- Công nhân viên quốc phòng	11	8,73
- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	58	46,03
- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng	22	17,46
* Phân theo giới tính	126	100,00
- Nam	84	66,67
- Nữ	42	33,33

Nguồn: Công ty TNHH MTV Trường Thành

2. Phân loại lao động

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	144	
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng		
	a) Sĩ quan	15	
	b) Quân nhân chuyên nghiệp (QNCN)	30	
	c) Công nhân quốc phòng	12	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	64	
3	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ 12 tháng đến dưới 36 tháng	23	

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG THÀNH

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
II	Số lao động nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	18	
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	10	
2	Sĩ quan, QNCN phục viên theo luật QNCN, CNVCQP số: 98/2015/QH13	1	
3	Chấm dứt hợp đồng lao động	3	
4	Số lao động dôi dư theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP	4	
	a) Tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21/4/1998	1	
	b) Tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21/4/1998	3	
III	Tổng số lao động chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần	126	
1	Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghiệp	35	
2	Công nhân viên quốc phòng (sau chuyển sang HĐLĐ)	11	
3	Lao động hợp đồng không xác định thời hạn	58	
4	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ 12 tháng đến dưới 36 tháng	22	

Nguồn: Công ty TNHH MTV Trường Thành

3. Báo cáo thực hiện chính sách với người lao động

TT	Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Ghi chú
1	Vốn điều lệ	Đồng	56.000.000.000	
	- Tỷ lệ cổ phần của Nhà nước	%	40,00	
	- Tỷ lệ cổ phần ưu đãi CBCNV	%	6,13	
	- Tỷ lệ bán cho cổ đông chiến lược	%	0	
	- Tỷ lệ bán ra bên ngoài doanh nghiệp	%	53,87	
2	Giá trị thực tế phần vốn tại doanh nghiệp	Đồng	55.988.574.304	
3	Tổng số cổ phần bán ưu đãi cho CBNV	Cổ phần	343.100	
	- Tổng giá trị được ưu đãi	Đồng	2.825.400.000	
	- Tỷ trọng so với tổng vốn nhà nước nắm giữ	%	12,61	
4	Tổng số lao động tại thời điểm công bố GTDN	Người	144	
	- Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	Người	126	
	- Nghỉ hưu	Người	10	
	- Phục viên	Người	1	
	- Số lao động không bố trí được việc làm	Người	4	

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG THÀNH

TT	Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Ghi chú
	- Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động	Người	3	
5	Kinh phí chi trả cho lao động dôi dư	Đồng	200.592.500	
	- Từ nguồn của doanh nghiệp	Đồng	12.100.000	
	- Từ quỹ hỗ trợ xếp doanh nghiệp	Đồng	188.492.500	
6	Kinh phí chi trả trợ cấp thôi việc cho CNVQP	Đồng	326.358.175	
	- Từ nguồn của doanh nghiệp	Đồng	-	
	- Từ quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Đồng	326.358.175	

Nguồn: Công ty TNHH MTV Trường Thành

4. Chính sách giải quyết lao động dôi dư

- Công ty thực hiện chính sách giải quyết lao động dôi dư theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 về Quy định chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ; Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 về việc Quy định chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, Thông tư 154/2016/TT-BQP ngày 12/10/2016.

Theo đó, tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (26/03/2017):

- Tổng số lao động hợp đồng hiện có : 87 người
- Tổng số lao động có nhu cầu sử dụng là : 80 người.
- Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động: 03 người.
- Lao động dôi dư là : 4 người.

Tổng số tiền dự kiến chi trả cho đối tượng này là **200.592.500 đồng**. Chi tiết tại Phụ lục 4 đính kèm.

5. Chính sách đối với công nhân viên quốc phòng (CNVQP)

- Tính đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 26/03/2017, Công ty có 12 cán bộ là CNVQP.

- Khi bàn giao doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần, Công ty dự kiến giải quyết cho 01 CNVQP nghỉ hưu; giải quyết chế độ thôi việc cho 11 CNVQP theo quy định hiện hành và chuyển sang ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Quyền lợi quy định được tính: cứ 1 năm công tác (đủ 12 tháng) của CNVQP thì được trợ cấp 1/2 tháng lương hiện hưởng. Tổng số năm công tác của 11 CNVQP sau khi làm tròn là 142,5 năm tương ứng với số tiền trợ cấp là: 326.358.175 đồng. Chi tiết tại Phụ lục 10 đính kèm.

6. Chính sách đối với Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghiệp

- Được hưởng các chính sách theo quy định tại Thông tư 114/2015/TT-BQP ngày 28/9/2015 quy định về bố trí, sử dụng và chế độ chính sách đối với các đối tượng làm việc tại doanh nghiệp quân đội thực hiện cổ phần hóa và tại công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước do Bộ Quốc phòng làm chủ sở hữu.

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (26/03/2017): có 45 sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp.

Sĩ quan, QNCN đủ tuổi về hưu theo quy định hiện hành: 9 người.

Sĩ quan, QNCN thôi phục vụ tại ngũ, giải quyết phục viên theo chính sách: 1 người.

Kinh phí dự kiến chi trả: **933.717.956 đồng.**

VII. KẾ HOẠCH SXKD 3 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Đánh giá một số thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Công ty

1.1. Tình hình kinh tế - xã hội

Theo Tổng cục thống kê, một số chỉ tiêu về tình hình kinh tế trong năm vừa qua như sau:

❖ Tăng trưởng kinh tế: Năm 2016, các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu của ngành Xây dựng duy trì được mức tăng trưởng khá. Giá trị sản xuất ngành Xây dựng năm 2016 theo giá hiện hành ước đạt khoảng 1.089,3 nghìn tỷ đồng, tăng 10,4% so với năm 2015 đạt 104% kế hoạch năm; tính theo giá so sánh năm 2010 đạt khoảng 862,5 nghìn tỷ đồng, tăng 10,1% so với năm 2015. Theo giá so sánh năm 2010, giá trị tăng thêm của ngành Xây dựng năm 2016 đạt khoảng 189,2 nghìn tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2015, chiếm tỷ trọng 6,19% GDP cả nước (năm 2015 chiếm 5,97% GDP).

❖ Lạm phát: Theo các số liệu do Tổng cục Thống kê Việt Nam năm 2016 lạm phát cơ bản tăng 1,83% so với năm 2015. Bình quân năm 2016 so với năm 2015, lạm phát chung có mức tăng cao hơn lạm phát cơ bản, điều này phản ánh biến động giá do yếu tố thị trường có mức tăng cao, đó là giá lương thực thực phẩm, giá xăng dầu và yếu tố điều hành giá cả qua việc điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế và giáo dục. Mức tăng của lạm phát cơ bản từ tháng 1 đến tháng 12 năm 2016 so cùng kỳ có biên độ dao động trong khoảng khá hẹp từ 1,64% đến 1,88%, điều này thể hiện chính sách tiền tệ đang được điều hành ổn định, giúp ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát.

❖ Lãi suất: Trong thời gian gần đây, lãi suất huy động bằng VND tương đối ổn định. Hiện nay, mặt bằng lãi suất huy động bằng VND phổ biến ở mức 0,8-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,5-5,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,4-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,4-7,2%/năm.

1.2. Tình hình Công ty

- Sau cổ phần hóa, với những nguồn lực hiện có Công ty có điều kiện để huy động tối đa vật chất, trí tuệ của các cổ đông và CBCNV để phát huy hiệu quả hoạt động SXKD; Văn Điều lệ của Công ty được nâng cao, góp phần tăng năng lực cạnh tranh của Công ty; Hoạt động sản xuất kinh doanh được phát triển tập trung với một số lĩnh vực chủ chốt hoặc lĩnh vực có thế mạnh.

- Tuy nhiên, Công ty phải tiếp tục giải quyết các vấn đề công nợ còn tồn tại; giá trị sản lượng chuyển tiếp cho các năm tiếp theo không lớn; Chính sách cắt giảm và quản lý chặt chẽ đầu tư sẽ có ảnh hưởng lớn tới nguồn việc làm của Công ty; một số trụ sở của Công ty và chi nhánh bị thu hồi hoặc phải thực hiện thuê đất.

2. Mục tiêu, chiến lược phát triển Công ty

2.1. Mục tiêu

- Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu Công ty, nâng cao năng lực thi công, tạo ra sức cạnh tranh lớn trên

thị trường; mở rộng thị trường mạnh hơn sang các đối tượng khách hàng tư nhân, tổ chức không sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách.

- Phát triển tập trung vào các ngành nghề chính, từng bước mở rộng sang một số lĩnh vực có lợi thế và các dự án đầu tư có hiệu quả cao.

- Nâng cao trình độ công nghệ, trình độ quản lý và tính chuyên nghiệp trong hoạt động SXKD; tăng cường đầu tư cho nhân lực chất lượng cao.

- Duy trì tăng trưởng doanh thu 10% năm.

2.2. Chiến lược phát triển

*** Chiến lược về thị trường:**

- Tăng cường giao lưu quan hệ hợp tác với các đối tác; Chủ động tích cực bám nắm địa bàn hoạt động, củng cố vững chắc địa bàn, thị trường truyền thống; Thực hiện nhiều hoạt động xúc tiến thương mại nhằm tăng cường quảng bá hình ảnh, uy tín của Công ty tạo điều kiện cho việc thâm nhập thị trường mới; Mục tiêu là giữ vững và mở rộng các địa bàn và thị trường truyền thống trong Quân đội, từng bước mở rộng địa bàn và khách hàng ngoài Quân đội như: UBND các tỉnh, Hội Nông dân các tỉnh, Các tập đoàn kinh tế, Doanh nghiệp tư nhân vv...

- Trong lĩnh vực kinh doanh thương mại: tiếp tục hoàn thiện và phát triển hệ thống bán hàng. Liên kết chặt chẽ với các đầu mối cung cấp đầu vào để bảo đảm nguồn cung ổn định.

*** Về đầu tư, phát triển:**

- Đầu tư dự án các dự án SXKD: Tân dụng các lợi thế và nguồn lực hiện có để nghiên cứu đầu tư các dự án SXKD phù hợp với năng lực trên cơ sở nghiên cứu phân tích đánh giá kỹ lưỡng nhu cầu thị trường. Các dự án và các lĩnh vực Công ty định hướng nghiên cứu thực hiện như: Liên doanh, liên kết đầu tư kinh doanh và quản lý bất động sản.

- Đầu tư trang thiết bị, công nghệ:

- + Đầu tư bổ sung máy móc thiết bị phục vụ thi công công trình. Trong đó các thiết bị được tập trung đầu tư là: hệ thống thiết bị kiểm định, đo lường, xe máy thi công cơ giới.

- + Đầu tư thay thế, nâng cấp hệ thống máy móc thiết bị và các phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp.

*** Về cơ cấu tổ chức hoạt động và điều hành:**

- Tiếp tục đổi mới, sắp xếp, kiện toàn, ổn định tổ chức của Công ty theo hướng tinh gọn, phân công phân nhiệm rõ, giảm đầu mối tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực của cán bộ đáp ứng theo yêu cầu sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng chức năng nhiệm vụ cụ thể, định biên của từng phòng ban. Xây dựng chức danh cho từng vị trí công tác. Rà soát phân loại cán bộ nhân viên cơ quan để bố trí công việc phù hợp.

- Tổ chức kiểm tra, rà soát hệ thống quy chế, quy trình bảo đảm đồng bộ, cụ thể tạo cơ chế và hành lang pháp lý thuận lợi phục vụ SXKD.

- Xây dựng chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành từ Công ty đến các đơn vị thành viên, đơn vị phụ thuộc, Ban điều hành dự án. Sử dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành sản xuất

kinh doanh, bảo đảm cập nhật và chuyển tải thông tin trong bộ máy điều hành chính xác, kịp thời.

** Phát triển nguồn nhân lực:*

- Quan tâm, chú trọng xây dựng nguồn nhân lực, coi đó là yếu tố quyết định sự phát triển của công ty cả trước mắt và lâu dài. Tạo bước chuyển cơ bản về số lượng, chất lượng, cơ cấu, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, từ cán bộ quản lý đến nhân viên, công nhân trực tiếp sản xuất. Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ cao và công nhân kỹ thuật lành nghề, làm mũi nhọn cho quá trình phát triển.

- Việc tuyển dụng lao động phải xuất phát từ các yêu cầu phục vụ các hoạt động SXKD của Công ty. Ưu tiên tuyển dụng những lao động được đào tạo cơ bản, có trình độ tay nghề cao phù hợp lâu dài với các nhiệm vụ chủ yếu trong Công ty.

- Tiếp tục củng cố và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề của người lao động hiện đang công tác, làm việc tại công ty qua các hình thức như: Tổ chức lớp tập huấn tại công ty, tham gia lớp tập huấn do đơn vị đào tạo tổ chức, cử đi học....

- Hàng năm xây dựng kế hoạch cụ thể về số lượng, thời gian, nguồn kinh phí dự kiến cho các lớp đào tạo như: Tập huấn về kinh tế - tài chính, An toàn lao động, nghiệp vụ định giá xây dựng, chỉ huy trưởng công trình, nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, nghiệp vụ đấu thầu, nghiệp vụ quản lý lao động tiền lương và BHXH...

- Tiếp tục cải thiện chế độ tiền lương, thu nhập của cán bộ công nhân viên theo hướng phát huy năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm và hiệu quả công tác, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với người lao động có trình độ cao, hiệu suất công tác cao nhằm tạo sự gắn bó lâu dài với Công ty, động viên người lao động nỗ lực hơn trong học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm sau cổ phần hóa

Một số chỉ tiêu chủ yếu về kế hoạch kinh doanh của Công ty cổ phần

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Tổng doanh thu	564.272.000.000	620.699.200.000	682.769.120.000
2	Vốn kinh doanh	400.028.986.660	428.421.234.496	466.247.460.483
3	Vốn điều lệ	56.000.000.000	56.000.000.000	56.000.000.000
4	Lợi nhuận trước thuế	6.189.546.055	6.408.869.047	7.451.468.386
5	Lợi nhuận sau thuế	4.951.636.844	5.127.095.238	5.961.174.709
6	Tổng số lao động	1.743	1.820	1.900
7	Thu nhập bình quân người/đồng/tháng	7.761.000	7.900.000	8.030.000
8	Các khoản thu nộp ngân sách	7.810.487.809	8.591.536.590	9.450.690.249
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /vốn CSH	7,9	9,0	10,2
10	Trích lập các quỹ	990.327.369	1.025.419.048	1.192.234.942

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
	- Quỹ đầu tư phát triển	10%	10%	10%
	- Quỹ khen thưởng	10%	10%	10%
11	Cổ tức được chia (%/VĐL)	7%	7%	7%

4. Giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh

4.1. Giải pháp về ngành nghề

- Xác định ngành nghề xây lắp là lĩnh vực chủ đạo nòng cốt, trong đó các ngành có thể mạnh như: Công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng, cầu đường, thủy lợi. Ưu tiên tập trung nguồn lực để phát triển ngành nhóm ngành dân dụng, công nghiệp có quy mô lớn.

- Đối với các ngành nghề phụ trợ và kinh doanh thương mại phát triển theo hướng tăng cường liên danh, liên kết.

4.2. Giải pháp về tài chính, vốn

- Cân đối bảo đảm tốt nguồn tài chính cho sản xuất kinh doanh đặc biệt là phương án bù đắp nguồn vốn vay từ Bộ Tư lệnh Biên Phòng và Cục tài chính Bộ Quốc phòng sau cổ phần hóa.

- Tiếp tục tận dụng tối đa nguồn vốn ứng từ các công trình có nguồn vốn Quốc phòng.

- Đối với công tác quản lý tài chính nội bộ: Công ty sẽ tăng cường kiểm tra, giám sát, nâng cao năng lực quản lý tài chính tại trụ sở và các đơn vị trực thuộc; thực hiện cắt giảm, tiết kiệm các chi phí không cần thiết...

4.3. Giải pháp về quản trị doanh nghiệp

- Tiếp tục đổi mới, sắp xếp, kiện toàn, ổn định tổ chức của Công ty theo hướng tinh giảm, phân công phân nhiệm rõ, giảm đầu mối tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực của cán bộ đáp ứng theo yêu cầu sản xuất kinh doanh.

- Thành lập một số Ban quản lý dự án để trực tiếp điều hành, quản lý trực tiếp tại một số công trình thi công trọng điểm nhằm đảm bảo tiến độ, an toàn, chất lượng, hiệu quả.

- Thường xuyên nắm bắt tình hình tư tưởng của CBCNV; Xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, bảo đảm tính thống nhất trong chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ.

4.4. Giải pháp về thị trường

- Cùng cố vững chắc các địa bàn đang hoạt động. Nắm chắc thông tin và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan tới các công trình mục tiêu trong kế hoạch. Trong đó khu vực Biên phòng vẫn là thị trường trọng tâm. Đồng thời, tiếp tục phát triển mở rộng các địa bàn, thị trường mới ngoài Biên Phòng như: Quân khu 3, Bình chủng Thông tin vv...

- Công ty tiếp tục triển khai các gói thầu mới, tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý theo hướng bài bản, chuyên nghiệp, minh bạch để thu hút nguồn nhân lực từ bên ngoài vào tham gia tạo nguồn cho đơn vị.

4.5. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Tận dụng tối đa nguồn nhân lực sẵn có tại Công ty, thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo về kỹ thuật, tài chính, quản lý nhân sự ... nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV để đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ.

- Với nhu cầu thực tế là ngành xây dựng ngày càng đòi hỏi phải có trình độ kiến thức tay nghề của các kỹ sư, cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật. Công ty đã định hướng và phát triển nguồn nhân lực có trình độ năng lực cao trong thời gian tới nhằm đạt được hiệu quả cao trong thi công xây dựng công trình.

4.6. Giải pháp về công tác quản lý xây dựng công trình

- Cùng cố công tác quản lý tổ chức thi công theo đúng quy trình, quy định, bảo đảm bài bản, chuyên nghiệp, cụ thể:

- Tăng cường bảo đảm nhân lực, cán bộ kỹ thuật hiện trường đặc biệt là đội ngũ chỉ huy trưởng công trường, tránh tình trạng quá tải, thiếu kiểm soát ở những đơn vị có sản lượng lớn dẫn tới không đảm bảo tiến độ, chất lượng

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng, tiến độ thi công các công trình, bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng.

- Thực hiện nghiêm các quy trình về cấp ứng vốn, quản lý tiến độ, chất lượng.

4.7. Giải pháp về trang thiết bị

- Đầu tư đổi mới mua sắm trang thiết bị phục vụ các công trình giao thông, dân dụng...

- Áp dụng công nghệ trong quản lý nguyên vật liệu, quản lý nhân công, tiến độ chất lượng công trình, công tác quản trị doanh nghiệp.

4.8. Giải pháp về quản trị rủi ro

- Xây dựng chính sách chung về quản trị rủi ro, tạo ra sự nhận thức đầy đủ cũng như trách nhiệm của lãnh đạo Công ty và các bộ phận chuyên môn về rủi ro.

- Xây dựng, ban hành, cập nhật sửa đổi bổ sung các quy chế quy định quản lý nội bộ, đảm bảo các hoạt động quản trị, điều hành cũng như tham mưu thừa hành nhiệm vụ phải công khai, minh bạch. Có sự phân công phân nhiệm rõ ràng trong lãnh đạo và các phòng ban trong hoạt động ngăn ngừa, kiểm soát rủi ro.

- Đổi mới và nghiêm túc thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ cũng như kiểm tra, kiểm soát đối với các đơn vị phụ thuộc theo quy định.

- Nâng cao trình độ chuyên môn và vị thế của bộ phận quản lý an toàn tại các dự án, công trường.

VIII. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN

Công ty TNHH Một thành viên Trường Thành xây dựng Dự thảo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Trường Thành - Bộ Quốc phòng gồm 7 chương và 72 điều theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn khác hiện hành.

PHẦN III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Trường Thành được phê duyệt và có quyết định của Bộ Quốc Phòng chuyển Công ty thành công ty cổ phần, Công ty sẽ triển khai thực hiện đề án theo lịch trình dự kiến như sau:

1. Tổ chức thực hiện phương án cổ phần hóa

1.1. Bán cổ phần:

- Tổ chức bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài qua tổ chức tài chính trung gian và báo cáo kết quả đấu giá;
- Tổ chức bán cổ phần cho CBCNV.
- Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban Chỉ đạo và đề xuất phương án xử lý cổ phần không bán hết (nếu có)

2. Hoàn tất việc chuyển Công ty thành công ty cổ phần

2.1. Tổ chức đại hội đồng cổ đông thành lập và đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần

- Chuẩn bị tài liệu và công tác tổ chức Đại hội cổ đông;
- Tổ chức hiệp thương nhân sự;
- Tổ chức đại hội cổ đông thành lập;
- Đăng ký doanh nghiệp.

2.2. Tổ chức quyết toán và bàn giao giữa Công ty và công ty cổ phần:

- Lập báo cáo tài chính, quyết toán thuế, kiểm toán báo cáo tài chính thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, quyết toán chi phí cổ phần hóa.
- Tổ chức bàn giao giữa doanh nghiệp và công ty cổ phần.

3. Lộ trình cụ thể

TT	Công việc	Thời gian dự kiến
1	Bộ Quốc phòng phê duyệt Phương án cổ phần hóa	Ngày T
2	Tổ chức bán cổ phần	T đến T+45
3	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu Công ty cổ phần	T+ 45 đến T + 70
4	Thực hiện đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần	T + 70 đến T + 80
5	Quyết toán tài chính, bàn giao vốn nhà nước sang công ty cổ phần	Trong vòng 60 ngày kể từ ngày chính thức có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

II. KIẾN NGHỊ

- Công ty kính đề nghị Ban chỉ đạo cổ phần hóa xem xét phê duyệt toán chi phí cổ phần hóa với tổng số tiền là **500.000.000 đồng**. Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế phát sinh sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

- Xem xét miễn giảm tiền thuê đất cho doanh nghiệp 03 năm đầu khi chuyển sang Công ty cổ phần.

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG THÀNH

- Công ty kính đề nghị Bộ Quốc phòng phê duyệt và hỗ trợ kinh phí cho Công ty để giải quyết chính sách cho QNCN và CNVQP :

+ Chế độ lương chờ nghỉ hưu trí cho QNCN là: 559.638.552 đồng;

+ Số tiền chi trả theo nghị định 21/2009/NĐ-CP cho QNCN là: 882.595.456 đồng;

+ Chế độ phục viên cho QNCN là : 176.236.500 đồng;

+ Chi phí trợ cấp cho CNVQP thôi việc chuyển sang ký HĐLĐ không xác định thời hạn làm việc tại Công ty cổ phần là: 326.358.175 đồng (lấy từ nguồn tiền bán cổ phần).

+ Có chính sách hỗ trợ tiền lương nghỉ chờ chính sách đối với SQ, QNCN khi công ty cổ phần đi vào hoạt động.

Công ty kính đề nghị Ban chỉ đạo cổ phần hóa xem xét báo cáo Bộ Quốc phòng phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Trường Thành để doanh nghiệp tiếp tục triển khai các bước tiếp theo trong lộ trình cổ phần hóa đã được phê duyệt, từ đó tạo tiền đề cho Công ty sớm đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần./.

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG THÀNH

CHỦ TỊCH



Đại tá Tô Văn Dũng